

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đặng Thị Trang
Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Thị Thúy Hồng

HẢI PHÒNG - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001-2015

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN ĐỨC THỊNH**

Sinh viên : Đặng Thị Trang

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng

HẢI PHÒNG - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đặng Thị Trang

Mã SV: 141240106

Lớp: QT1802K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải biển Đức Thịnh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Ý nghĩa
BĐSDT	Bất động sản đầu tư
CP	Chi phí
CPBH	Chi phí bán hàng
CPQL	Chi phí quản lý
GTGT	Giá trị gia tăng
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TTDB	Tiêu thụ đặc biệt
K/C	Kết chuyển
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
SP, HH	Sản phẩm, hàng hóa.
TSCĐ	Tài sản cố định
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
HD SXKD	Hoạt động sản xuất kinh doanh
CKTM	Chiết khấu thương mại
NSNN	Ngân sách nhà nước

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.....	2
1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	2
1.1.1. Khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ:.....	2
1.1.1.1. Doanh thu	2
1.1.1.2. Chi phí.....	4
1.1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh	6
1.1.2. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp	7
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	7
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	7
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng	7
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng	7
1.2.1.3. Phương pháp hạch toán	9
1.2.2. Kế toán chi phí hoạt động kinh doanh	11
1.2.2.1. Chứng từ sử dụng	11
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng	11
1.2.2.3. Phương pháp hạch toán	11
1.2.3. Kế toán doanh thu và chi phí tài chính	14
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng	14
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng	14
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán	15
1.2.4. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	16

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng	16
1.2.4.3. Phương pháp hạch toán	16
1.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	18
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng	18
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng	18
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	20
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái	21
1.3.4. Hình thức kế toán trên Máy vi tính	23
1.4. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA THÔNG TƯ 133 SO VỚI QĐ48 TRONG KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	23
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN ĐỨC THỊNH	26
2.1. Khái quát chung về công ty Cổ phần vận tải biển Đức Thịnh	26
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty	26
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty	27
2.1.3. Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động	27
2.1.4. Những thành tích cơ bản mà công ty đạt được trong những năm gần đây (2015-2016).....	27
2.1.5. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty	29
2.1.6. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty	31
2.1.6.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty	31
2.1.6.2. Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty	32
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP vận tải biển Đức Thịnh	33
2.2.1. Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh	33
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	33
2.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh	42

2.2.1.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	50
2.2.2. Kế toán doanh thu và chi phí tài chính	56
2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP vận tải biển Đức Thịnh ...	59
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN ĐỨC THỊNH.....	66
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cp vận tải biển đức thịnh	66
3.1.1. Ưu điểm.....	66
3.1.2. Một số mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty	67
3.2.1. Ứng dụng phần mềm kế toán.....	69
3.2.2. Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại	72
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	79
1. Kết luận.....	79
2. Kiến nghị.....	79
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	80

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung áp dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	20
Biểu 2.3: Giấy báo Có của ngân hàng	37
Biểu số 2.5: Sổ tổng hợp bán hàng	39
2.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh	42
Biểu số 2.9: Phiếu xuất kho	45
Biểu số 2.10: Sổ chi tiết giá vốn	46
Biểu số 2.11: Sổ tổng hợp giá vốn	47

LỜI MỞ ĐẦU

Hòa chung xu thế phát triển về mọi mặt, nền kinh tế nước ta đang không ngừng vươn lên để khẳng định vị trí của mình. Một công cụ không thể thiếu được để quyết định sự phát triển đó là công tác hạch toán kế toán.

Hạch toán kế toán là một bộ phận cấu thành quan trọng của hệ thống công cụ quản lý kế tài chính không những có vai trò tích cực trong việc quản lý điều hành và kiểm soát hoạt động kinh tế mà còn vô cùng quan trọng đối với hoạt động của doanh nghiệp. Công tác hạch toán kế toán vừa mang tính khoa học, vừa mang tính nghệ thuật, nó phát huy tác dụng như một công cụ sắc bén, có hiệu lực phục vụ yêu cầu quản lý kinh doanh trong điều kiện kinh tế như hiện nay.

Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh là công ty cổ phần chuyên cung cấp nguyên vật liệu, phụ gia cho nhà máy sản xuất xi măng.

Do đó công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là rất quan trọng đối với công ty. Nhận thức được tầm quan trọng đó mà trong thời gian thực tập ở công ty em đã quyết định lựa chọn đề tài: “ ***Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần vận tải biển Đức Thịnh*** ” cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận gồm 3 chương:

- ❖ **Chương 1:** *Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.*
- ❖ **Chương 2:** *Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần vận tải biển Đức Thịnh.*
- ❖ **Chương 3:** *Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần vận tải biển Đức Thịnh.*

Do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Đặng Thị Trang

CHƯƠNG 1
LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.1.1. Khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ:

1.1.1.1. Doanh thu

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác ” ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng tài chính, doanh thu là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn của chủ sở hữu.

Các loại doanh thu

❖ *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản thu, phụ thu bên ngoài giá bán (công vận chuyển, chi phí lắp đặt,...) nếu có.

❖ Theo chuẩn mực kế toán số 14 doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

+ Xác định được chi phí có liên quan đến giao dịch bán hàng.

Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng.

+ *Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp:* Theo phương thức này người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hoặc tại phân xưởng sản xuất. Khi người

mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

+ *Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý*: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi nhận được báo cáo bán hàng do đại lý gửi.

+ *Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng*: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng tới địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã được bên mua chấp nhận thanh toán.

+ *Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp*: là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần, khách hàng được trả chậm tiền hàng và phải chịu một phần lãi trả chậm theo một tỷ lệ lãi suất nhất định, phần lãi trả chậm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm lãi trả chậm, trả góp.

❖ **Doanh thu thuần**: là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu

❖ **Các khoản giảm trừ doanh thu** bao gồm:

- *Chiết khấu thương mại*: là số tiền người mua được hưởng do mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận.

- *Giảm giá hàng bán*: là số tiền giảm trừ cho bên mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

- *Hàng bán bị trả lại*: là giá trị của hàng hóa, sản phẩm bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.

- *Thuế GTGT phải nộp (theo phương pháp trực tiếp)*: thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.

- *Thuế tiêu thụ đặc biệt*: là loại thuế gián thu, thu ở một số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- *Thuế xuất khẩu*: là loại thuế gián thu đánh vào các mặt hàng được phép xuất khẩu.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính** bao gồm:

- **Tiền lãi**: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ...

- Cổ tức lợi nhuận được chia.
- Thu nhập về hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- Lãi tỷ giá hối đoái.
- Chênh lệch do bán ngoại tệ.
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn.
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

❖ **Thu nhập khác**

Thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, gồm:

- Thu về nhượng bán TSCĐ, thanh lý TSCĐ.
- Thu từ tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng.
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường.
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước.
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập.
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại.
- Các khoản thu khác.

1.1.1.2. Chi phí

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản cố định hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối do cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Các loại chi phí

- **Giá vốn hàng bán:** là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hóa đơn đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại) hoặc giá thành thực tế dịch vụ hoàn thành và đã được xác định tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Căn cứ theo chuẩn mực kế toán 02 “hàng tồn kho” có 3 phương pháp xác định giá vốn hàng bán:

+ *Phương pháp bình quân gia quyền*: giá trị của từng loại hàng tồn được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị hàng tồn kho tương tự được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của mỗi doanh nghiệp.

+ *Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)*: áp dụng trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ.

+ *Phương pháp tính theo giá đích danh*: được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

Chi phí quản lý kinh doanh: là những chi phí chi ra trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành....

Chi phí hoạt động tài chính: là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp, gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ bán chứng khoán ...

Chi phí khác: là các khoản chi phí phát sinh cho các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có)
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí khác....

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

1.1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh

- Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

+ *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh.

$$\begin{array}{rcccl} \text{Lợi nhuận} & & \text{Doanh thu} & & \text{Chi phí} \\ \text{thuần từ} & & \text{bán hàng} & & \text{quản lý} \\ \text{hoạt động} & = & \text{và cung} & - & \text{kinh} \\ \text{sản xuất} & & \text{cấp dịch vụ} & - & \text{doanh} \\ \text{kinh} & & & & \end{array}$$

+ *Kết quả hoạt động tài chính*: là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính với chi phí từ hoạt động tài chính.

$$\begin{array}{rcccl} \text{Lợi nhuận tài} & & \text{Doanh thu tài chính} & - & \text{Chi phí tài chính} \\ \text{chính} & & & & \end{array}$$

+ *Kết quả hoạt động khác*: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác

$$\begin{array}{rcccl} \text{Lợi nhuận hoạt} & = & \text{Thu nhập hoạt động} & - & \text{Chi phí hoạt động} \\ \text{động khác} & & \text{khác} & & \text{khác} \end{array}$$

+ *Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế*: là tổng số lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.

$$\begin{array}{rcccl} \text{Tổng lợi nhuận} & = & \text{Lợi nhuận} & + & \text{Lợi nhuận từ} \\ \text{kế toán trước} & & \text{từ hoạt} & & \text{hoạt động tài} \\ \text{thuế} & & \text{động SXKD} & & \text{chính} \\ & & & & + \text{Lợi nhuận} \\ & & & & \text{khác} \end{array}$$

+ *Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp*: là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.

$$\begin{array}{rcccl} \text{Thuế TNDN} & = & \text{Tổng lợi nhuận kế toán} & \times & \text{Thuế suất thuế} \\ \text{phải nộp} & & \text{trước thuế} & & \text{TNDN} \end{array}$$

+ *Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp*: là tổng số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\begin{array}{rcccl} \text{Lợi nhuận sau} & & \text{Tổng lợi nhuận kế} & & \text{Thuế TNDN phải} \\ \text{thuế TNDN} & - & \text{toán trước thuế} & - & \text{nộp} \end{array}$$

1.1.2. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp .

-Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và giám sát chặt chẽ tình hình các khoản doanh thu và chi phí.

-Tính toán phản ánh chính xác, kịp thời tổng giá trị thanh toán của hàng bán ra bao gồm cả doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu, thuế GTGT đầu ra của từng nhóm mặt hàng, từng hóa đơn, khách hàng, đơn vị trực thuộc.

-Ghi chép, theo dõi, phản ánh kịp thời từng khoản chi phí, thu nhập phát sinh trong kỳ.

-Lập báo cáo kết quả kinh doanh đúng chế độ, kịp thời, cung cấp các thông tin kinh tế cần thiết cho các bộ phận liên quan, đồng thời định kỳ tiến hành phân tích kinh tế đối với báo cáo kết quả kinh doanh, từ đó tham mưu cho Ban lãnh đạo về các giải pháp để tăng lợi nhuận.

1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có ngân hàng, bảng kê sao của ngân hàng, ủy nhiệm thu, séc thanh toán, séc chuyển khoản...

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này có 4 tiểu khoản:

- + Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa
- + Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm
- + Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + Tài khoản 5118 – Doanh thu khác

Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu tính trên doanh số bán trong kỳ. - Doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ. - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911. 		<ul style="list-style-type: none"> - Tổng số doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu

- Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong quá trình thanh toán khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn, hàng hóa bị khách trả lại hoặc hàng bán được giảm giá.
- Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu, có 3 tiểu khoản:
 - + Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại
 - + Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại
 - + Tài khoản 5213 – Giảm giá hàng bán

Nợ	TK 521	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng. - Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền hàng cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán. - Các khoản giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ 		<ul style="list-style-type: none"> - Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại sang TK 511.
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

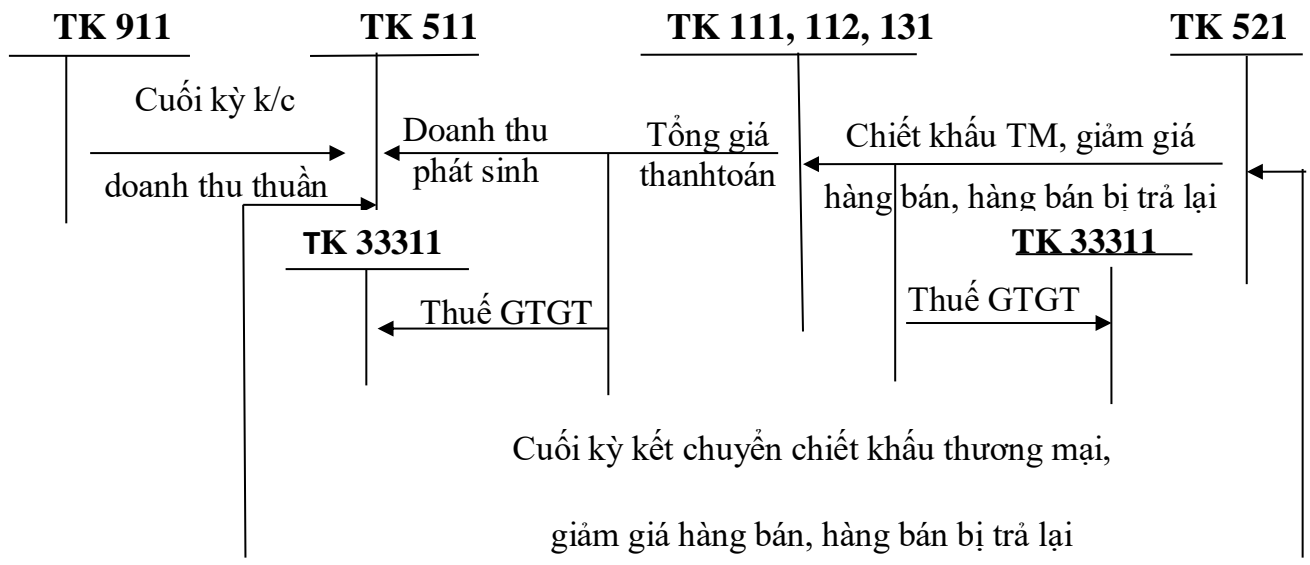
- Tài khoản 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, có 9 tiểu khoản, trong đó sử dụng 3 tài khoản cấp 2 để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.
 - + Tài khoản 3331 – Thuế giá trị gia tăng phải nộp
 - + Tài khoản 3332 – Thuế tiêu thụ đặc biệt
 - + Tài khoản 3333 – Thuế xuất nhập khẩu

Nợ	TK 333	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT được khấu trừ trong kỳ. - Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào Ngân sách Nhà nước. - Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp. - Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá. 		<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp. - Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

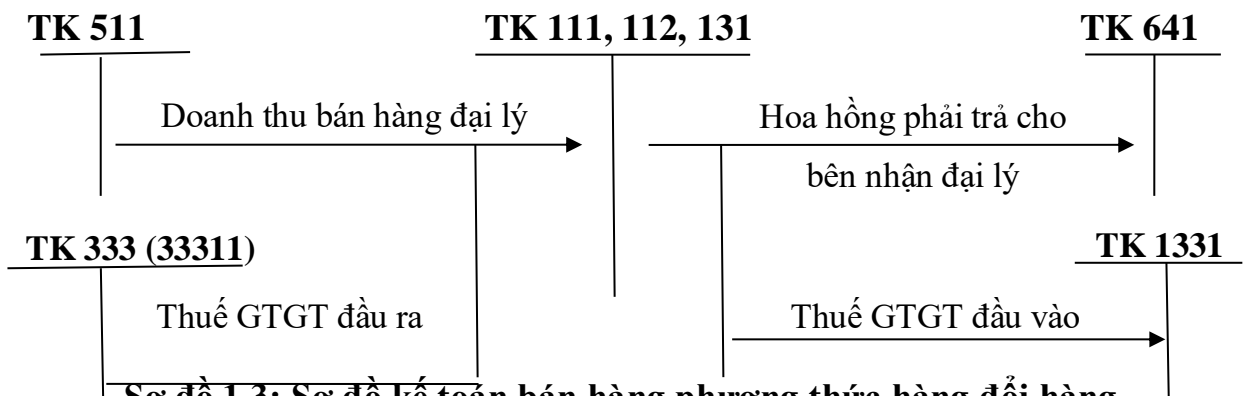
- Số dư bên Có: số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.
- TK này có thể có số dư bên Nợ: phản ánh khoản thuế và các khoản nộp thừa vào ngân sách Nhà nước

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán

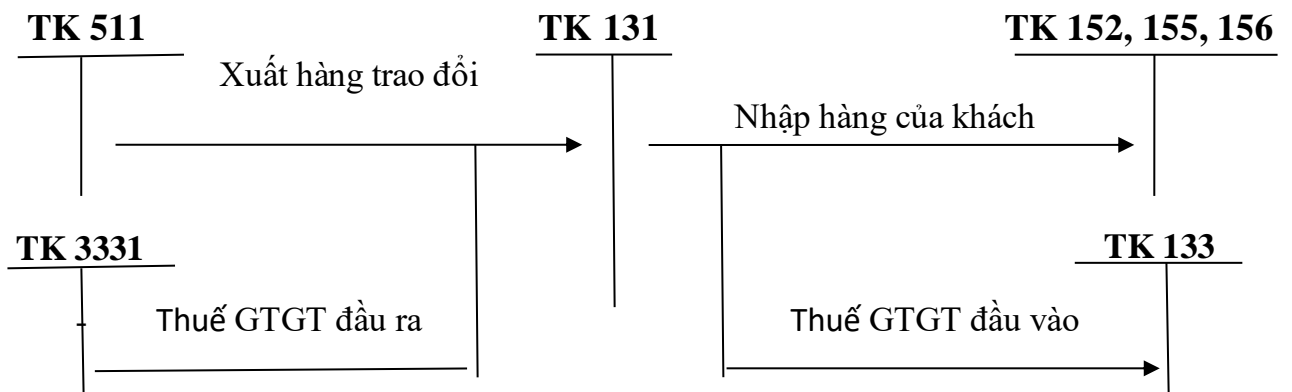
Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trực tiếp



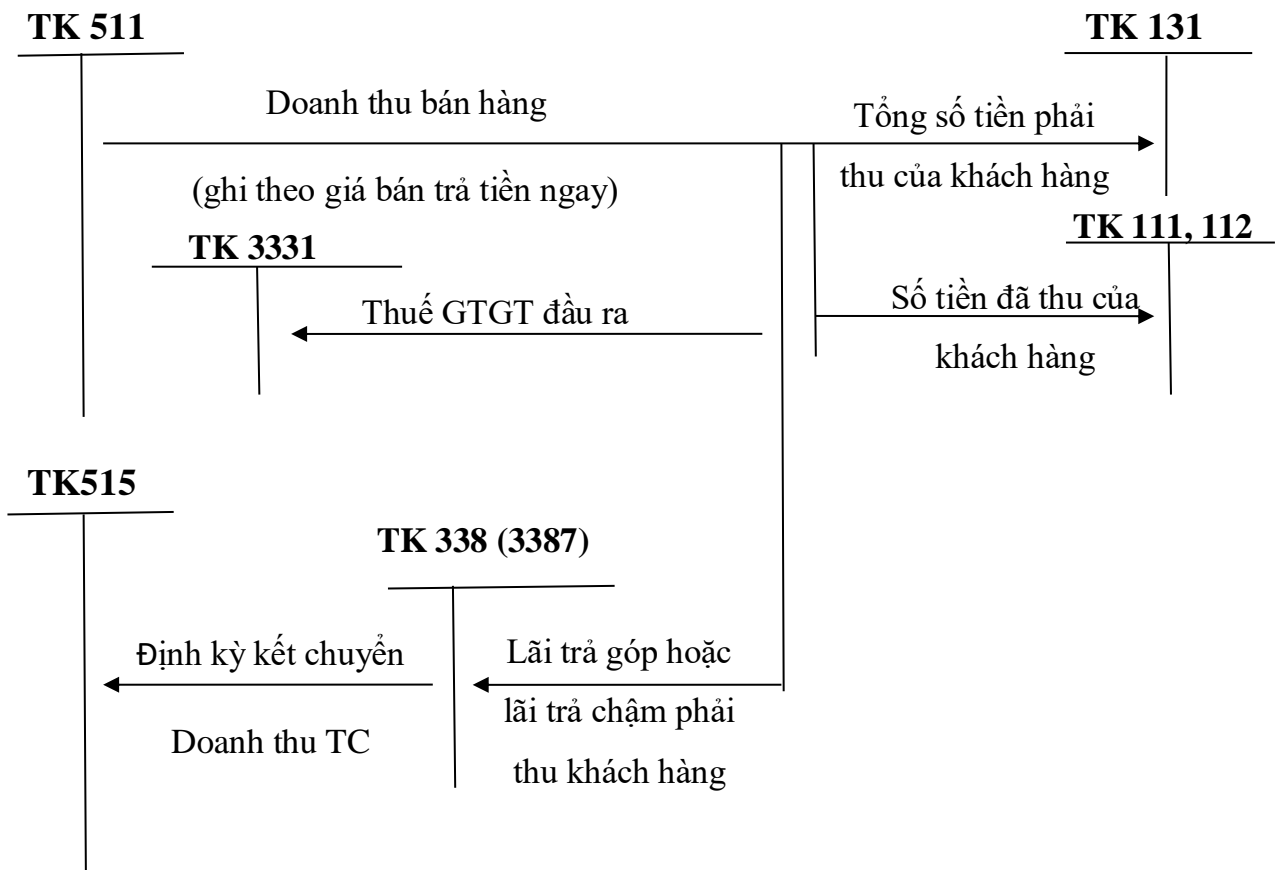
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức ký gửi đại lý (bàn giao đại lý)



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức hàng đổi hàng



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trả chậm, trả góp



1.2.2. Kế toán chi phí hoạt động kinh doanh

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho...
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ(KKTX) - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. - Kết chuyển trị giá hàng tồn đầu kỳ(KKĐK) 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911. - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho. - Kết chuyển trị giá hàng tồn cuối kỳ(KKĐK) 	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

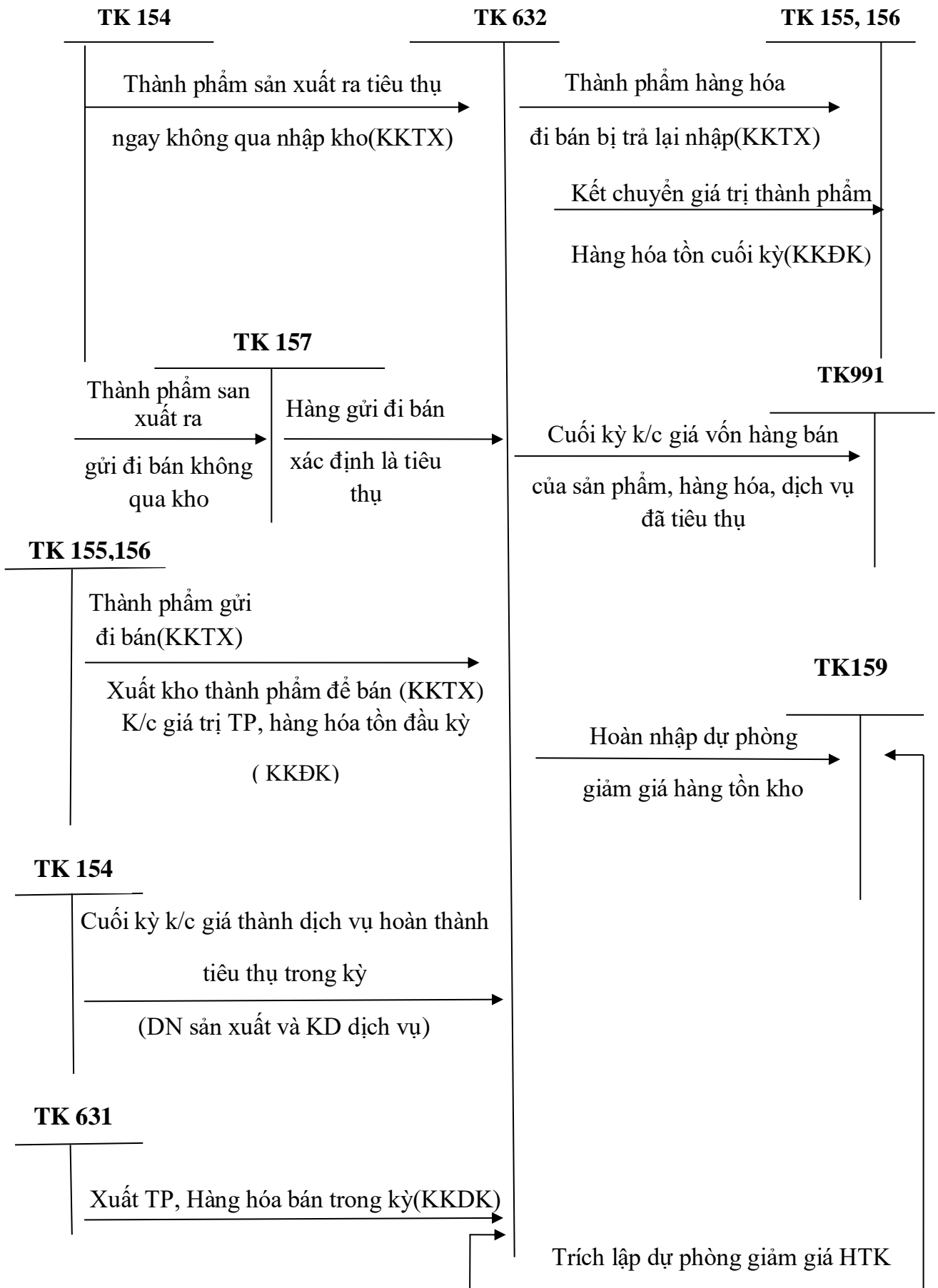
- **Tài khoản 642** – Chi phí quản lý kinh doanh
- Tài khoản này có 2 tiểu khoản:
 - + Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng
 - + Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nợ	TK 642	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ. - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả. - Dự phòng trợ cấp mất việc làm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả. - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK 911. 	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

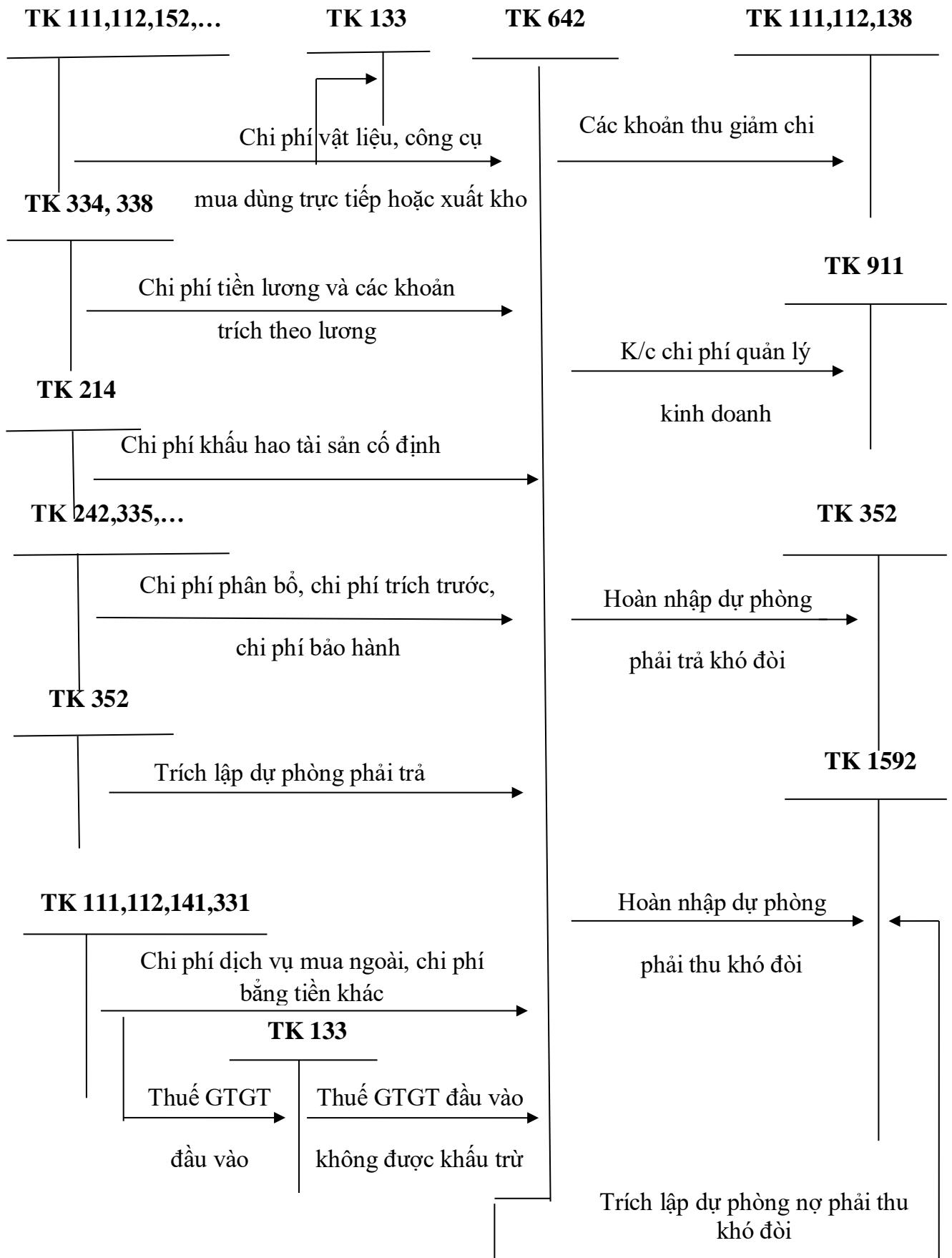
Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

1.2.2.3. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán chi phí quản lý kinh doanh



1.2.3. Kế toán doanh thu và chi phí tài chính

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có, giấy báo nợ
- Phiếu chi, phiếu thu
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Kết cấu tài khoản 515

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp. - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911. 		<ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết - Chiết khấu thương mại được hưởng lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

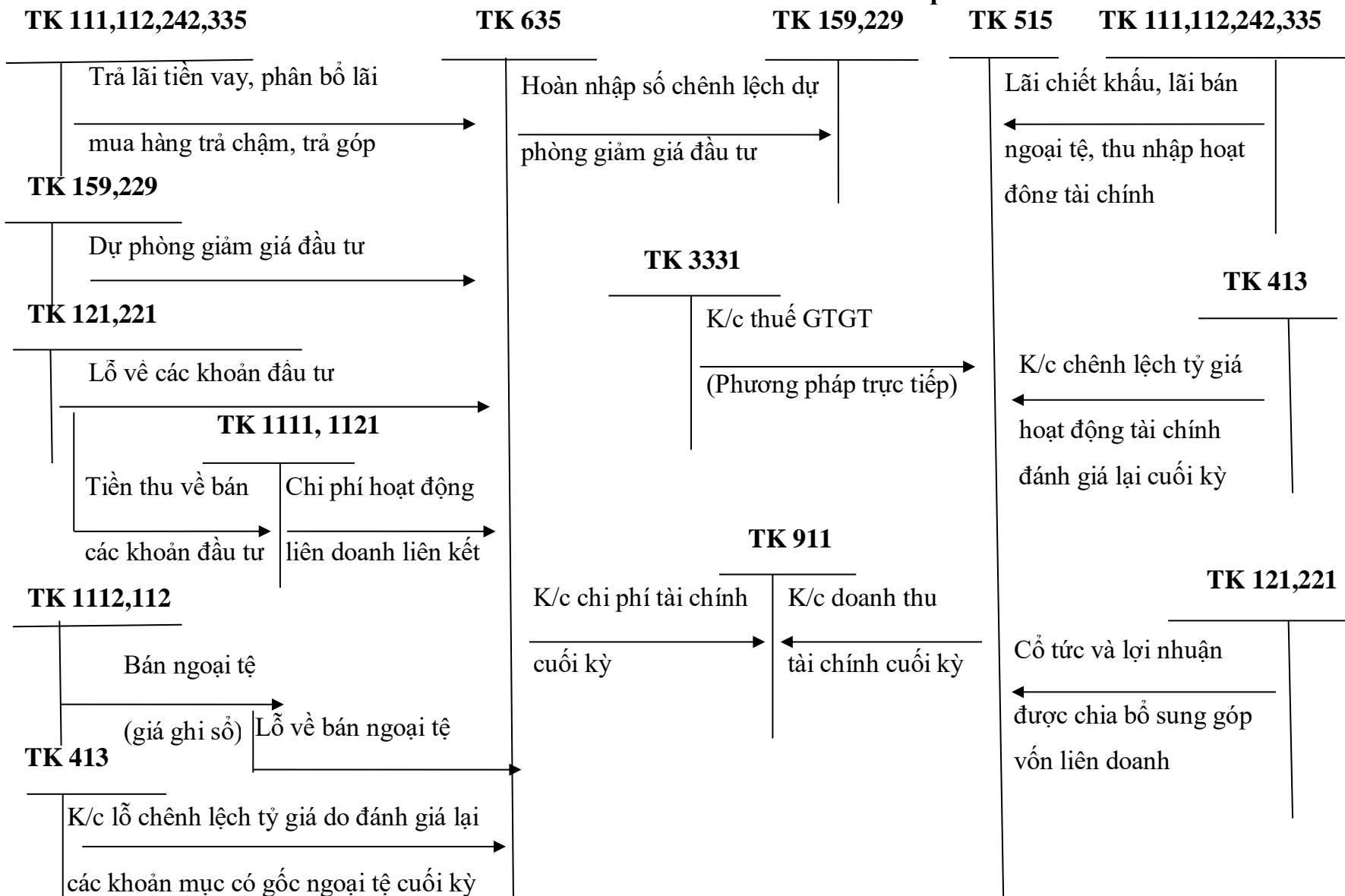
Kết cấu tài khoản 635

Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản chi phí hoạt động tài chính - Các khoản lỗ về đầu tư tài chính - Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán... 		<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. - Kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.8: Sơ đồ kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính



1.2.4. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Biên bản đánh giá tài sản
- Biên bản thanh lý nhượng bán tài sản cố định
- Biên bản góp vốn liên doanh
- Phiếu thu, phiếu chi

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 711 – Thu nhập khác

Kết cấu tài khoản 711

Nợ	TK 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở DN nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911.		- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 811 - Chi phí khác

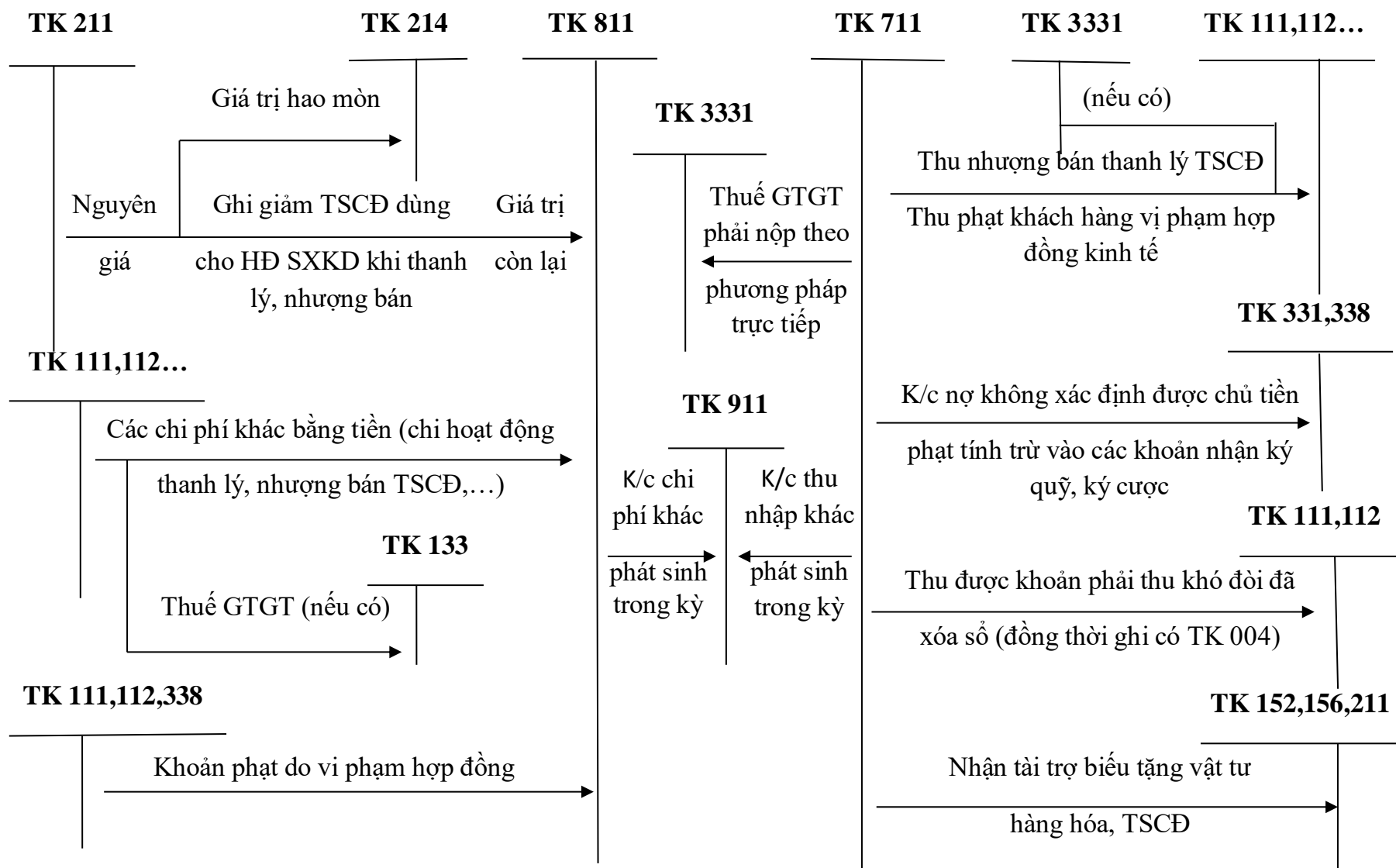
Kết cấu tài khoản 811

Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh.		- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911.
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác



1.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu hạch toán

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

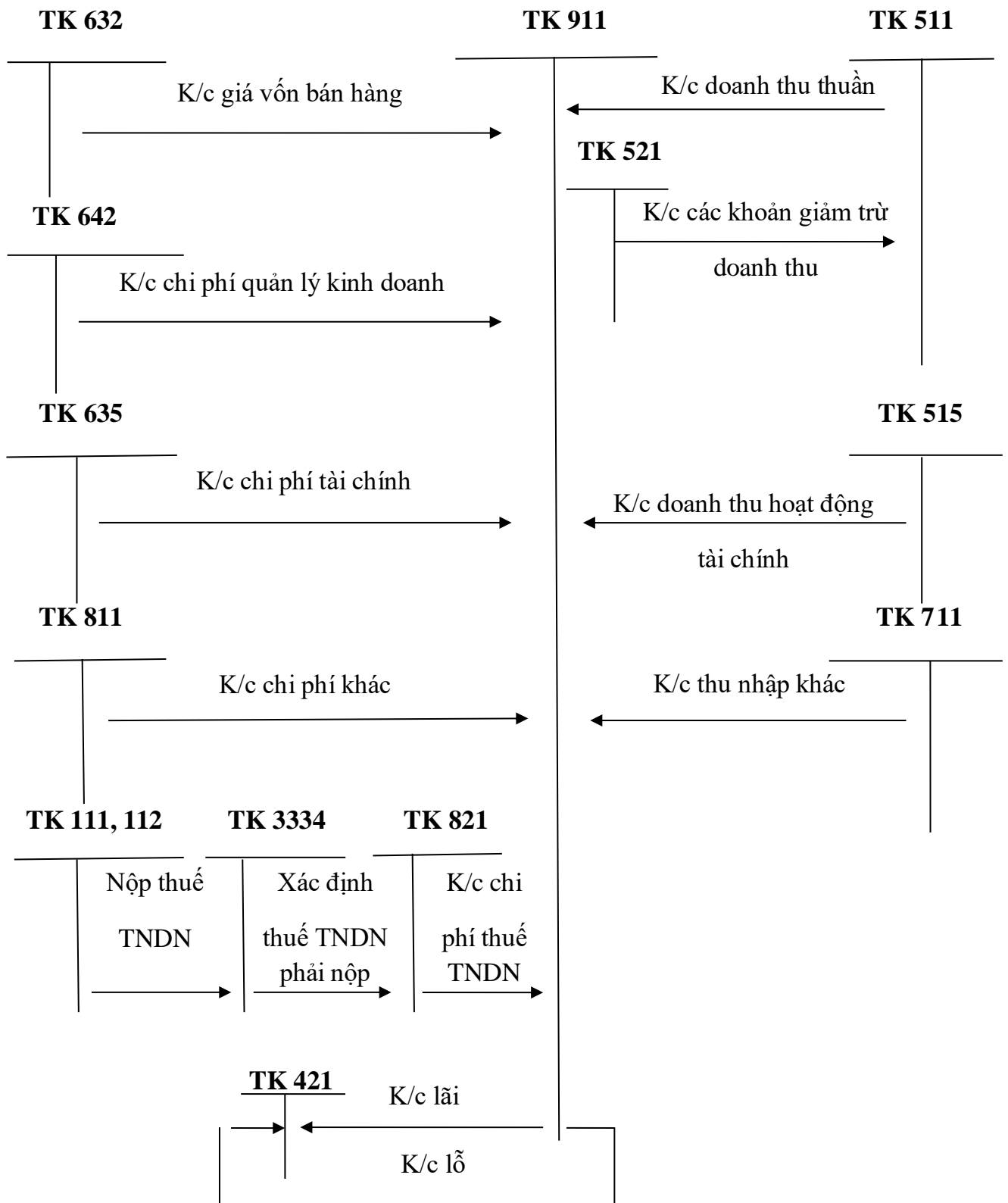
Kết cấu tài khoản 911

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> - K/C trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán - K/C chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác. - K/C chi phí quản lý kinh doanh - K/C chi phí thuế TNDN - Kết chuyển lãi sau thuế . 	<ul style="list-style-type: none"> - K/C doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ. - K/C doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. - K/C lỗ 	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh



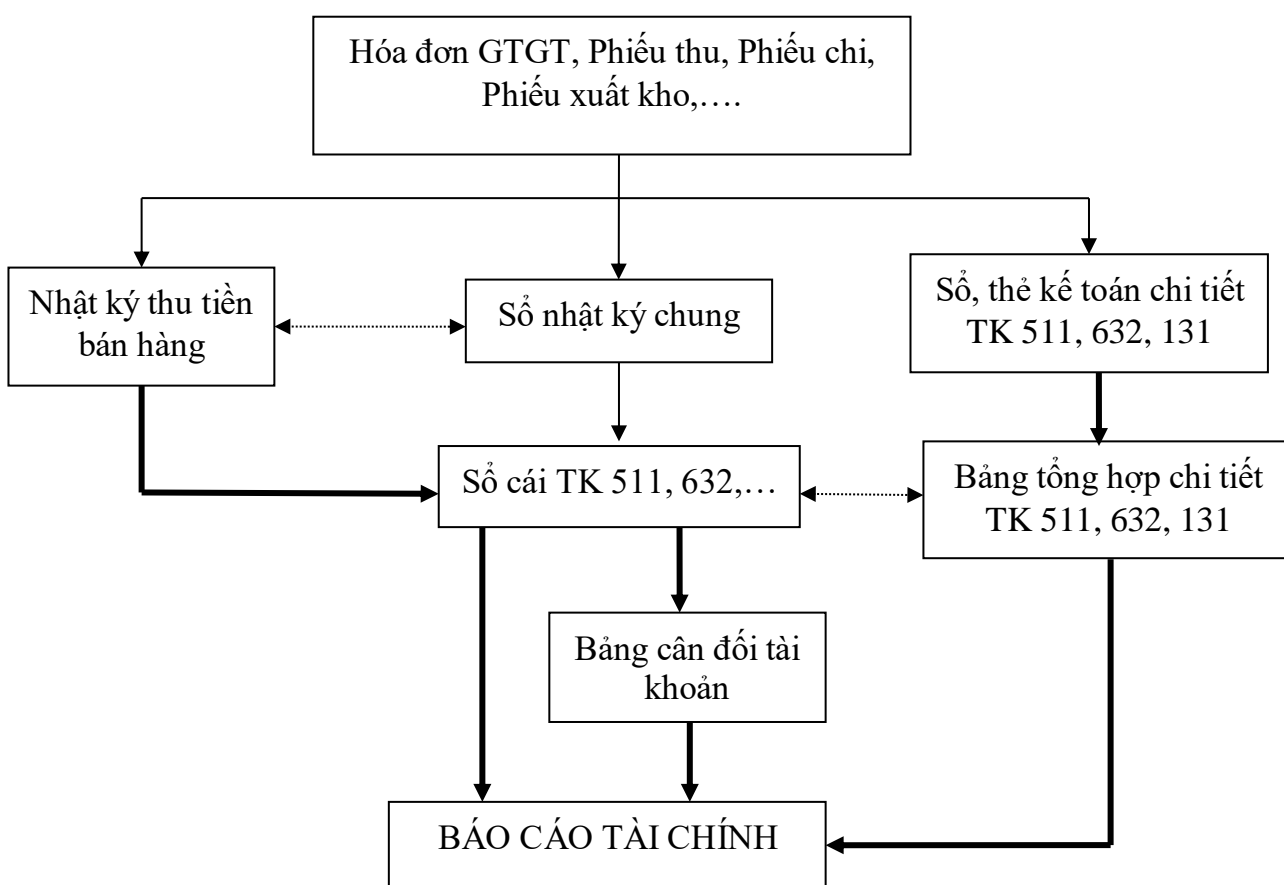
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

Doanh nghiệp được áp dụng 1 trong 4 hình thức kế toán sau:

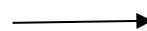
- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên Máy vi tính

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung áp dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh



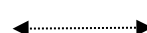
Ghi chú: Ghi hàng ngày:



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ:

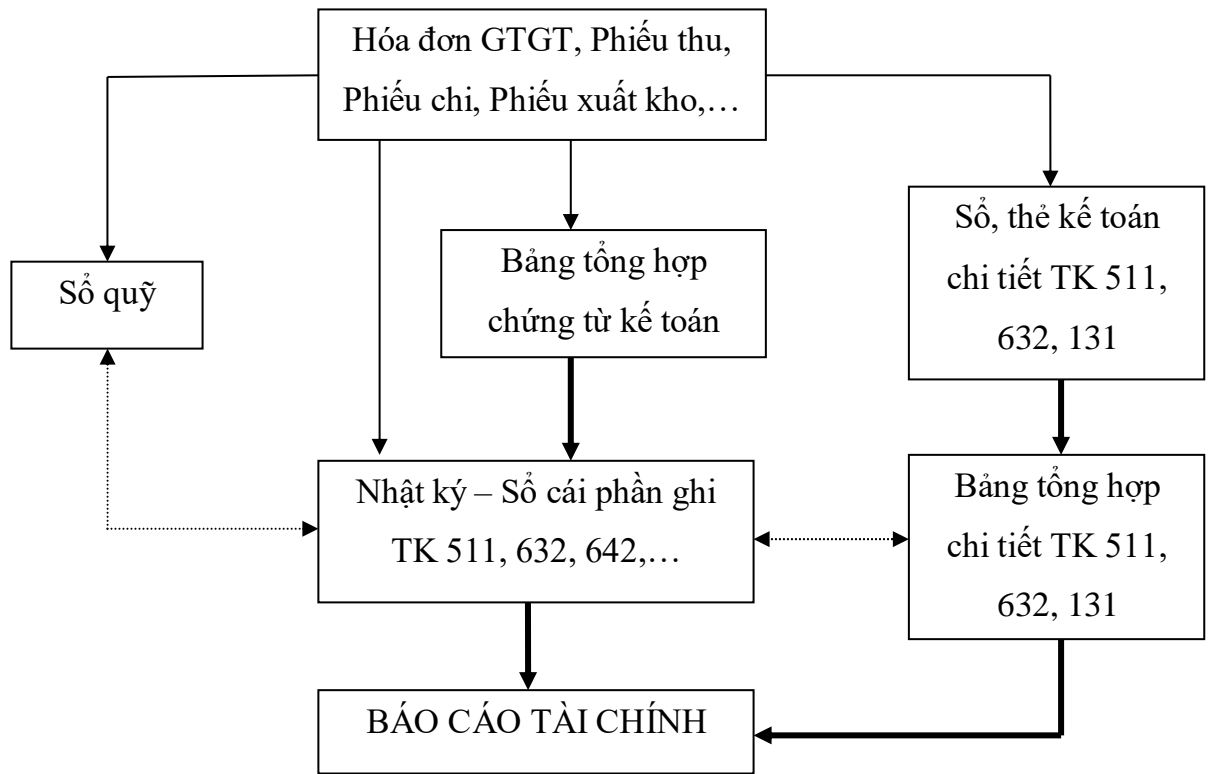


Đối chiếu:

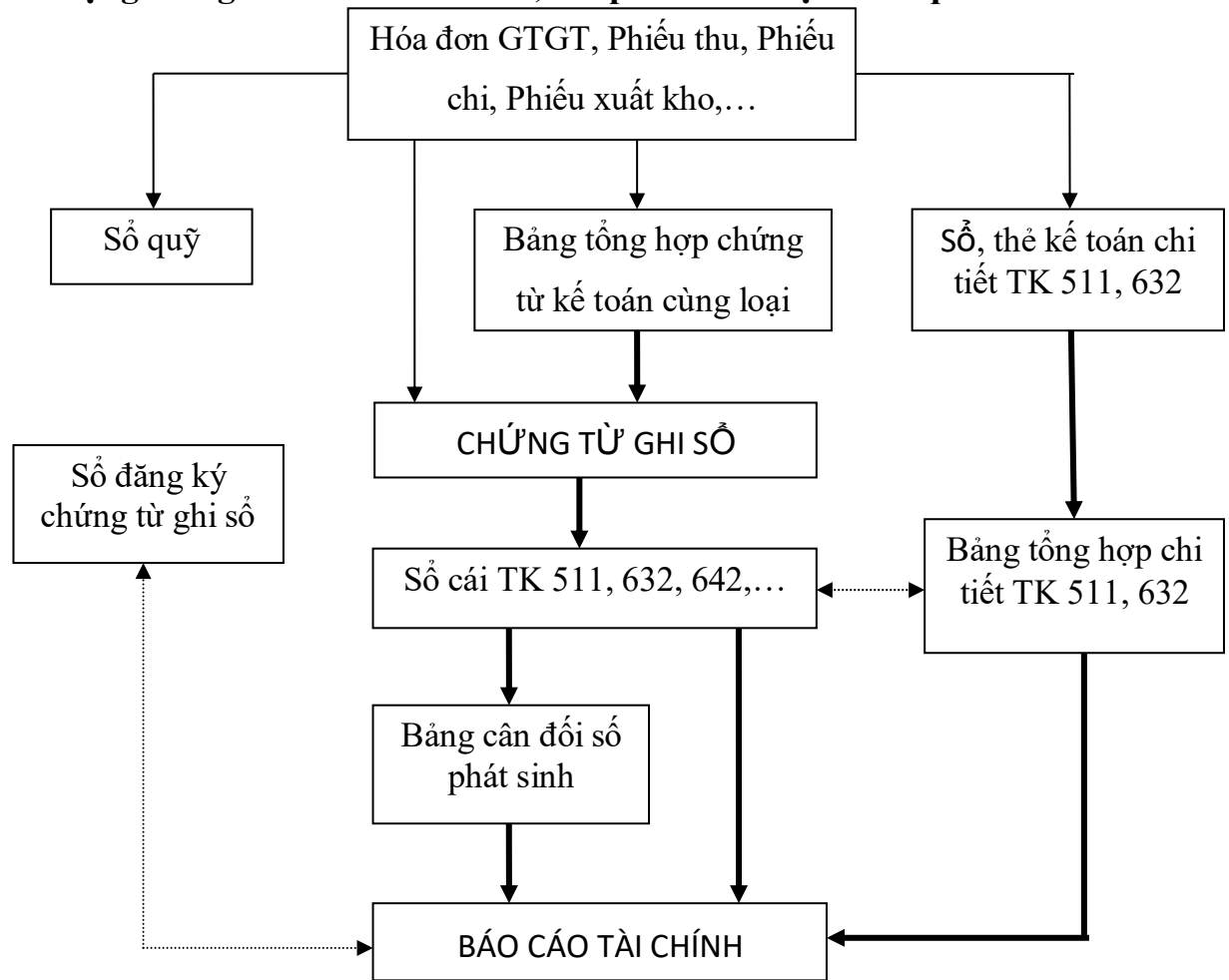


1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái áp dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

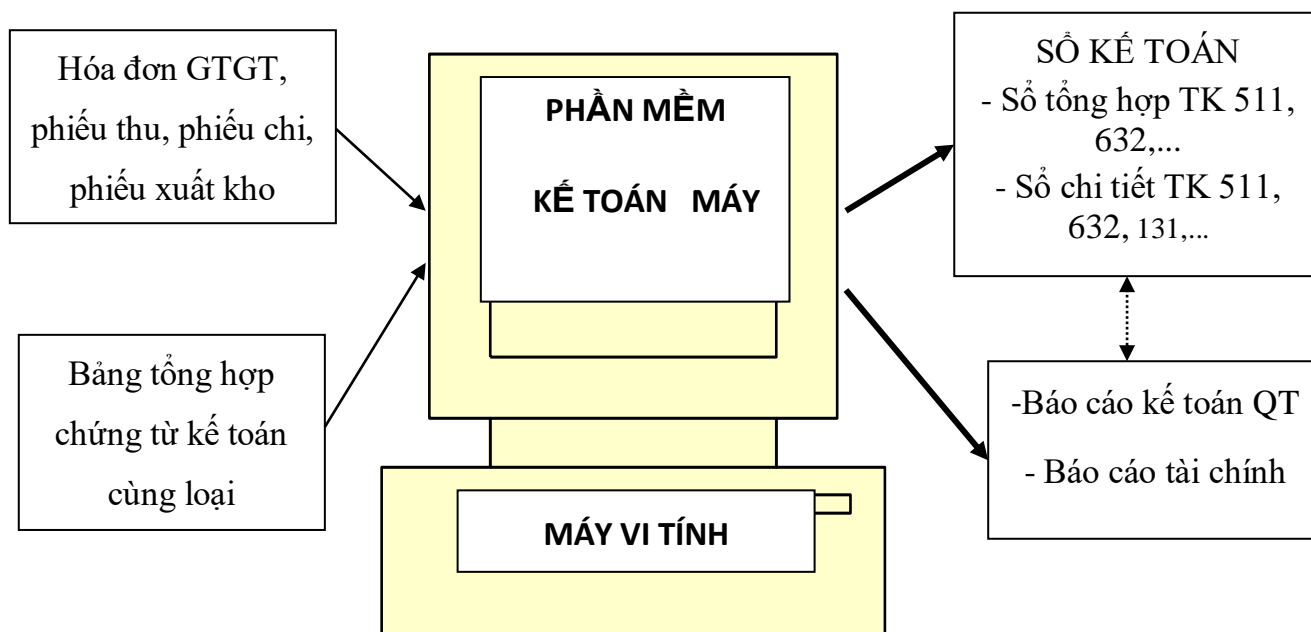


Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ áp dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh



1.3.4. Hình thức kế toán trên Máy vi tính

Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính áp dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh



Ghi chú: Nhập số liệu hàng ngày: →

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm: →

Đối chiếu, kiểm tra: ↔

1.4. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA THÔNG TƯ 133 SO VỚI QĐ48 TRONG KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

- *Đổi mới cách tiếp cận chính sách.*

Thông tư này tiếp cận trên tinh thần ưu tiên tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho những doanh nghiệp kinh doanh đúng pháp luật, không dựng lên những quy định mang tính trói buộc để phòng ngừa những đối tượng cố ý lợi dụng chính sách để gian lận. Các hành vi vi phạm pháp luật đã có chế tài của pháp luật.

- *Đề cao tính khả thi áp dụng trong thực tế doanh nghiệp.*

Chế độ kế toán SME lần này mang tính cởi mở, linh hoạt cao, đề cao tính khả thi bằng cách đưa ra nhiều lựa chọn cho doanh nghiệp, như:

- Chế độ kế toán chủ yếu quy định đến TK cấp 1, chỉ một số ít TK chi tiết đến cấp 2, mỗi tài khoản chỉ phản ánh một nội dung chứ không có riêng TK ngắn hạn, dài

hạn. Doanh nghiệp được tự chi tiết và theo dõi ngắn hạn, dài hạn hoặc mở các tài khoản chi tiết theo yêu cầu quản lý;

- Dỡ bỏ toàn bộ sự bắt buộc đối với chứng từ và sổ kế toán. SME sẽ được tự xây dựng hệ thống chứng từ và sổ kế toán để đáp ứng yêu cầu quản trị, điều hành phù hợp với đặc thù hoạt động của mình miễn là đáp ứng được các yêu cầu của Luật kế toán;
- Chế độ kế toán chỉ quy định về nguyên tắc kế toán mà không quy định chi tiết các bút toán. Bằng cách vận dụng nguyên tắc kế toán, SME sẽ được tự quyết định các bút toán ghi sổ sao cho phù hợp nhất với quy trình luân chuyển chứng từ và thói quen của mình miễn là trình bày BCTC đúng quy định;
- SME được tự lựa chọn đồng tiền ghi sổ kế toán khi đáp ứng được các tiêu chí Chế độ quy định;
- SME được tự quyết định ghi hoặc không ghi doanh thu từ các giao dịch nội bộ mà không phụ thuộc chứng từ xuất ra là hóa đơn GTGT hay phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ;
- Được tự quy định cho đơn vị hạch toán phụ thuộc ghi nhận khoản vốn nhận từ doanh nghiệp là nợ phải trả hoặc vốn chủ sở hữu;
- Được lựa chọn biểu mẫu BCTC theo tính thanh khoản giảm dần hoặc phân biệt ngắn hạn, dài hạn theo truyền thống...

- Tách biệt kế toán và thuế, hướng đến phục vụ nhu cầu quản trị, điều hành doanh nghiệp.

Lần đầu tiên Chế độ kế toán SME có những sự khác biệt giữa doanh thu, chi phí, lợi nhuận kế toán so với doanh thu tính thuế (GTGT, TNDN), chi phí được trừ và thu nhập chịu thuế.

- Kế toán không phải là câu chuyện Nợ - Có, cần tách biệt kỹ thuật ghi chép trên sổ kế toán và kỹ thuật trình bày báo cáo tài chính.

Các thông tin trên BCTC phải trung thực, minh bạch và được trình bày nhất quán chứ không phải việc ghi Nợ hay Có trên các bút toán.

- Coi trọng bản chất hơn hình thức và tên gọi giao dịch.

Chế độ kế toán SME lần này sẽ hướng người làm công tác kế toán đến việc nhận biết giao dịch trước khi áp dụng phương pháp kế toán và cách làm này sẽ giúp chúng ta dễ dàng hơn trong việc tiếp cận Chế độ kế toán. Phương pháp kế toán phụ thuộc vào bản chất giao dịch và cách thức giao dịch vận hành. Vì vậy, người làm kế toán giỏi không phải là người thuộc Nợ – Có tốt mà là người nắm được nguyên

tắc kế toán, bản chất giao dịch và biết vận dụng nguyên tắc kế toán phù hợp với từng giao dịch.

- Tiếp cận gần hơn thông lệ và Chuẩn mực quốc tế.

Nền kinh tế của chúng ta đang phát triển và ngày càng hội nhập với nền kinh tế thế giới. Vì vậy, Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán cũng phải tiếp cận gần hơn với thông lệ và Chuẩn mực quốc tế. Lần này Chế độ kế toán SME đã đưa vào một số nội dung mang tính thông lệ thế giới như ghi nhận doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thực hiện, đánh giá tổn thất khoản cho vay và bất động sản đầu tư, phân loại chứng khoán kinh doanh và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn...

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN

DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN ĐỨC THỊNH

2.1. Khái quát chung về công ty Cổ phần vận tải biển Đức Thịnh

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty

Công ty Cổ phần vận tải biển Đức Thịnh là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, chịu sự quản lý của nhà nước về hoạt động kinh doanh thông qua sở kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng.

Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần vận tải biển Đức Thịnh

Địa chỉ trụ sở : Thủy Đường – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mã số thuế : 0200949028

Điện thoại : 0312674556

Fax : 0313642709

Email : ducthinhshippingjsc@gmail.com

Công ty Cổ phần vận tải biển Đức Thịnh được thành lập theo giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200949028 do sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 23 tháng 7 năm 2009 với số vốn đăng ký kinh doanh là 9 tỷ VNĐ.

Trụ sở chính: Thủy Đường – Thủy Nguyên – Hải Phòng. Văn phòng của công ty là nơi giao dịch, giải quyết các vấn đề về hợp đồng, sổ sách chứng từ.

Trụ sở phụ của công ty nằm ở thôn Phi Liệt – Lại Xuân – Thủy Nguyên – Hải Phòng, là nơi làm các giấy tờ giao nhận hàng hóa tại cảng.

Cảng bến bãi của công ty xây dựng trên diện tích đất 5000m² tại thôn Phi Liệt, xã Lại Xuân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Hàng hóa phụ gia xi măng được vận chuyển từ các mỏ như ở Thái Nguyên, Sơn Tây, Phú Thọ..... về tập kết để phơi khô, sàng nghiệp, đảm bảo chất lượng và tiêu chuẩn để cung cấp cho các nhà máy.

Danh sách cổ đông công ty Cổ phần vận tải biển Đức Thịnh

Địa chỉ trụ sở chính: Thủy Đường – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Số đăng ký kinh doanh 0200949028 cấp ngày 23/07/2009. Tổng số cổ phần góp vốn: 9,900 cổ phần (tỷ VNĐ).

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty

Ngay từ khi thành lập, Công ty Cổ phần vận tải biển Đức Thịnh đã đi vào hoạt động các lĩnh vực kinh doanh chủ yếu như:

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Dịch vụ đại lý tàu biển, tàu sông
- Hoạt động cảng đường sông, cầu tàu
- Bốc xếp hàng hóa
- Kho bãi, lưu giữ hàng hóa
- Khai thác quặng, sắt, đá, cát, sỏi, đất sét
- Bán buôn, bán lẻ clinke, phụ gia xi măng.

2.1.3. Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động

Trong quá trình hoạt động, công ty có được nhiều thuận lợi nhưng cũng gặp không ít khó khăn

- Thuận lợi:

- + Đội ngũ nhân viên có năng lực, có ý thức trách nhiệm, năng động, sáng tạo và luôn nỗ lực hết mình với công việc.
- + Văn phòng được trang bị đầy đủ các thiết bị để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của của công ty.
- + Môi trường làm việc chuyên nghiệp khi các phòng ban được phân công rõ ràng và nhất quán.
- Khó khăn: thị trường tiêu thụ bị cạnh tranh vì ngày càng có nhiều đối thủ không ngừng chiếm lĩnh lấy thị trường này.

2.1.4. Những thành tích cơ bản mà công ty đạt được trong những năm gần đây (2015-2016)

Trong quá trình hoạt động công ty đã đạt được những kết quả như sau:

- Công ty đã được chi cục thuế huyện Thủy Nguyên trao tặng bằng khen.
- Doanh thu, lợi nhuận của công ty tăng đều đặn các năm và thể hiện qua báo cáo kết quả kinh doanh của công ty qua các năm như sau:

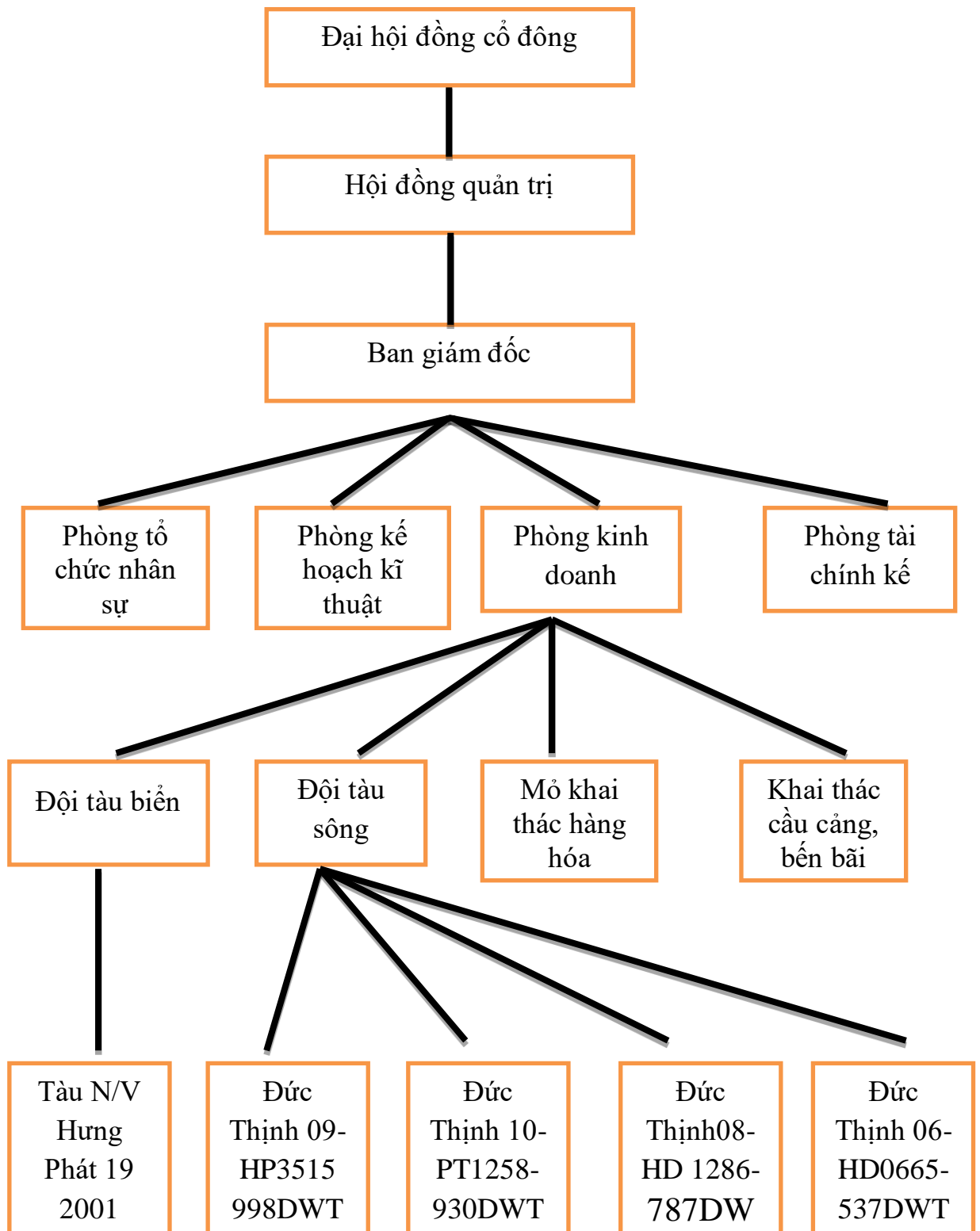
Bảng kết quả đạt được của công ty trong 2 năm qua

ĐVT: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	2015	2016
Doanh thu BH	54.975.357.322	57.975.357.322
Giá vốn hàng bán	50.694.382.344	54.474.382.344
Lợi nhuận gộp	3.763.974.978	3.500.974.978
Doanh thu tài chính	3.942.656	4.087.768
Chi phí tài chính	1.670.948.742	975.613.528
Chi phí QLKD	1.039.249.245	1.529.449.218
Lợi nhuận thuần	1.057.719.647	1.000.000.000
Lợi nhuận trước thuế	1.057.719.647	1.000.000.000
Chi phí thuế TNDN	232.698.322	395.122.706
Lợi nhuận sau thuế	604.877.294	825.021.325

Qua bảng báo cáo kinh doanh của 2 năm thấy được doanh thu, lợi nhuận của công ty tăng dần qua các năm. Tuy mức tăng không đáng kể nhưng cũng thể hiện được sự phát triển của công ty. Với những khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng hiện nay, công ty vẫn đang ngày càng khẳng định được vị thế của mình nhờ vào tinh thần trách nhiệm dám nghĩ dám làm của ban lãnh đạo công ty và sự đoàn kết của công nhân viên. Do đó đã giúp công ty giải quyết nhiều vấn đề phức tạp trong lĩnh vực kinh doanh, đưa công ty đứng vững trên thị trường và ngày càng tiến xa hơn nữa.

2.1.5 Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại công ty CPVTB Đức Thịnh

Chức năng của từng phòng ban

a. Đại hội cổ đông: Là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và người được cổ đông ủy quyền ở đây là :

Ông: Bùi Văn Mạnh. CMTND: 031405152

Bà: Ngô Thị Tuấn Ninh. CMTND: 031431164

Ông: Bùi Văn Oanh. CMTND: 031112374

Đại hội cổ đông có toàn quyền quyết định mọi hoạt động của công ty và có nhiệm vụ: Thông qua điều lệ, phương hướng hoạt động kinh doanh của công ty. Bầu bãi miễn hội đồng quản trị. Các điều lệ khác do điều lệ công ty quy định.

b. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của công ty có nhiệm vụ:

+ Báo cáo trước đại hội cổ đông tình hình kinh doanh của công ty. Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy, quy chế hoạt động và quỹ lương của công ty.

- Bổ nhiệm, bãi nhiệm và giám sát hoạt động của Ban giám đốc.

- Kiến nghị sửa đổi và bổ sung Điều lệ của Công ty.

- Quy định triệu tập Đại hội cổ đông

c. Ban giám đốc: Do hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm. Ban giám đốc gồm có.

- Tổng giám đốc công ty: Là người đứng đầu của công ty, chịu trách nhiệm trước nhà nước về mọi hoạt động của công ty, về kế hoạch, mục tiêu, chiến lược sản xuất của công ty.

- Phó tổng giám đốc: Phụ trách kinh doanh. Hoàn thành nhiệm vụ giám đốc giao cho và chịu trách nhiệm trước giám đốc về quá trình chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ đó. Tham mưu cho giám đốc chỉ đạo tiêu thụ hàng hóa dịch vụ và có trách nhiệm kiểm tra đôn đốc nhân viên hoàn thành nhiệm vụ của ban giám đốc

Nhiệm vụ của ban giám đốc:

- Lập phương án, bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ, bổ nhiệm và bãi nhiệm chức danh quản lý.

- Ký các văn bản, hợp đồng, chứng từ theo sự phân cấp của điều lệ công ty. Báo cáo trước hội đồng quản trị tình hình tài chính, kết quả kinh doanh,...

d. Phòng tổ chức lao động có nhiệm vụ:

- Tìm kiếm tuyển dụng nhân lực có năng lực.

- Lập bảng lương, thực hiện bảo hiểm xã hội- y tế cho nhân viên, cán bộ trong công ty và các chính sách nhân sự lao động khác.

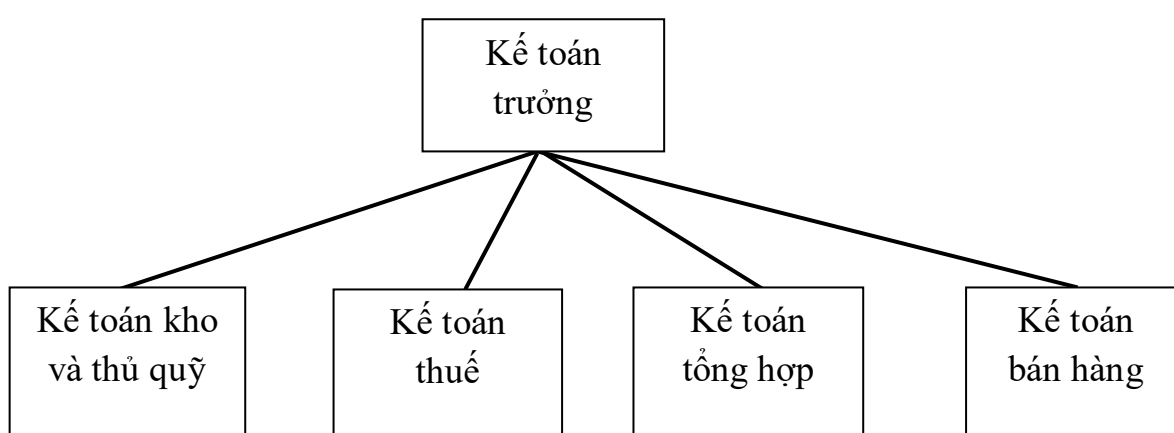
- Xây dựng đề xuất chương trình đào tạo nâng cao trình độ nhân viên

e. Phòng tài chính kế toán: Tổ chức hạch toán các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, lập kế hoạch thu – chi tài chính của quý, năm. Tổ chức chỉ đạo việc thực hiện phân tích hoạt động kinh tế, tăng cường công tác quản lý để tận thu tiết kiệm. Chi phí bảo toàn và phát triển nguồn vốn kinh doanh. Đặc điểm của bộ máy kế toán công ty

2.1.6 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty

2.1.6.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung .



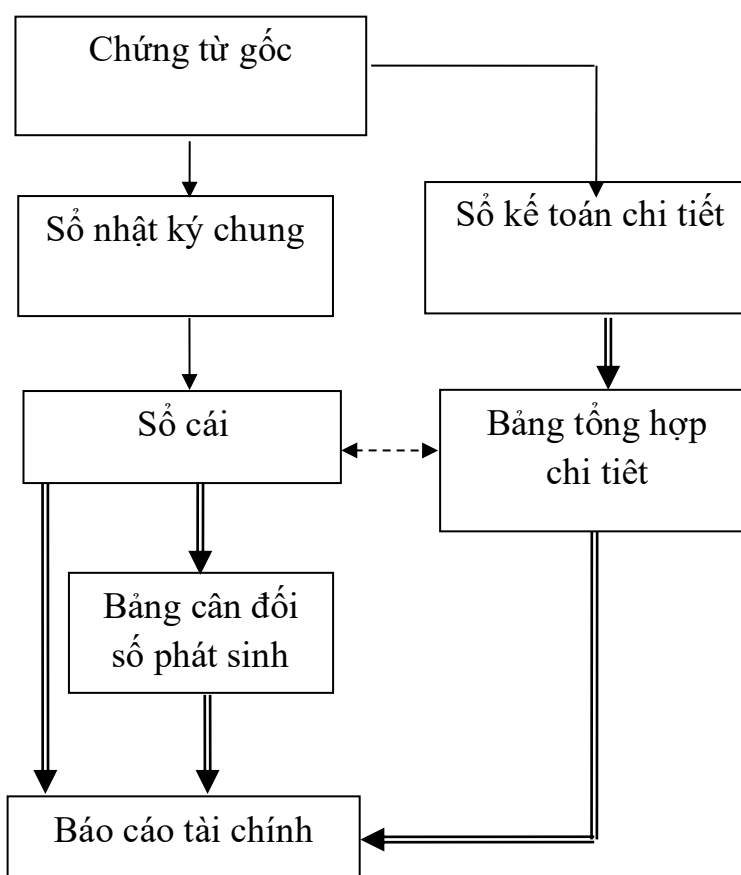
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty CP VTB Đức Thịnh

- **Kế toán trưởng:** Người đứng đầu phòng tài chính kế toán chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những thông tin kế toán cung cấp, có trách nhiệm tổ chức điều hành công tác kế toán trong công ty, giám sát, hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra các công việc do nhân viên kế toán thực hiện.
- **Kế toán kho và thủ quỹ:** Có trách nhiệm quản lý thống kê, theo dõi kho nhập, xuất, tồn. Kiểm tra, đối chiếu từng chủng loại hàng hóa, vật tư. Hàng tháng tiến hành lập báo cáo nhập, xuất, tồn. Quản lý quỹ, thu chi tiền mặt, kiểm kê, kiểm tra sổ quỹ tồn quỹ và phản ánh chính xác kịp thời, đầy đủ số liệu hiện có, tình hình biến động vốn bằng tiền trong công ty.
- **Kế toán thuế:** Hạch toán các nghiệp vụ, chứng từ liên quan tới thuế, hàng tháng lập báo cáo thuế, theo dõi tình hình nộp ngân sách

- **Kế toán tổng hợp:** Chịu trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu các tài liệu, số liệu do bộ phận kế toán khác chuyển sang, từ đó lập bút toán kết chuyển lúc cuối kỳ. Lập báo cáo tài chính.
- **Kế toán bán hàng:** Chịu trách nhiệm thực hiện các nghiệp vụ bán hàng phát sinh tại công ty, làm báo giá, hợp đồng, đốc thúc công nợ, cập nhật giá cả, các sản phẩm mới, quản lý sổ sách, chứng từ liên quan đến bán hàng của công ty

2.1.6.2. Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty

Hiện nay, công ty Cổ phần Vận tải biển Đức Thịnh áp dụng hình thức kế toán **Nhật ký chung** để thu nhận, xử lý và cung cấp các thông tin liên quan đến các hoạt động kinh tế- tài chính phục vụ cho việc lập các báo cáo tài chính của doanh nghiệp



Sơ đồ 2.3: Quy trình ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung tại Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối tháng: =========>

Quan hệ đối chiếu: <----->

Chế độ, chính sách kế toán Công ty đang áp dụng

- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.
- Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong hạch toán kế toán: Việt Nam đồng (VNĐ)
- Hình thức kế toán: Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên
- Hạch toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp ghi thẻ song song.
- Tính giá vốn hàng tồn kho theo phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập.
- Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ
- Tính và trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP vận tải biển Đức Thịnh

2.2.1. Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

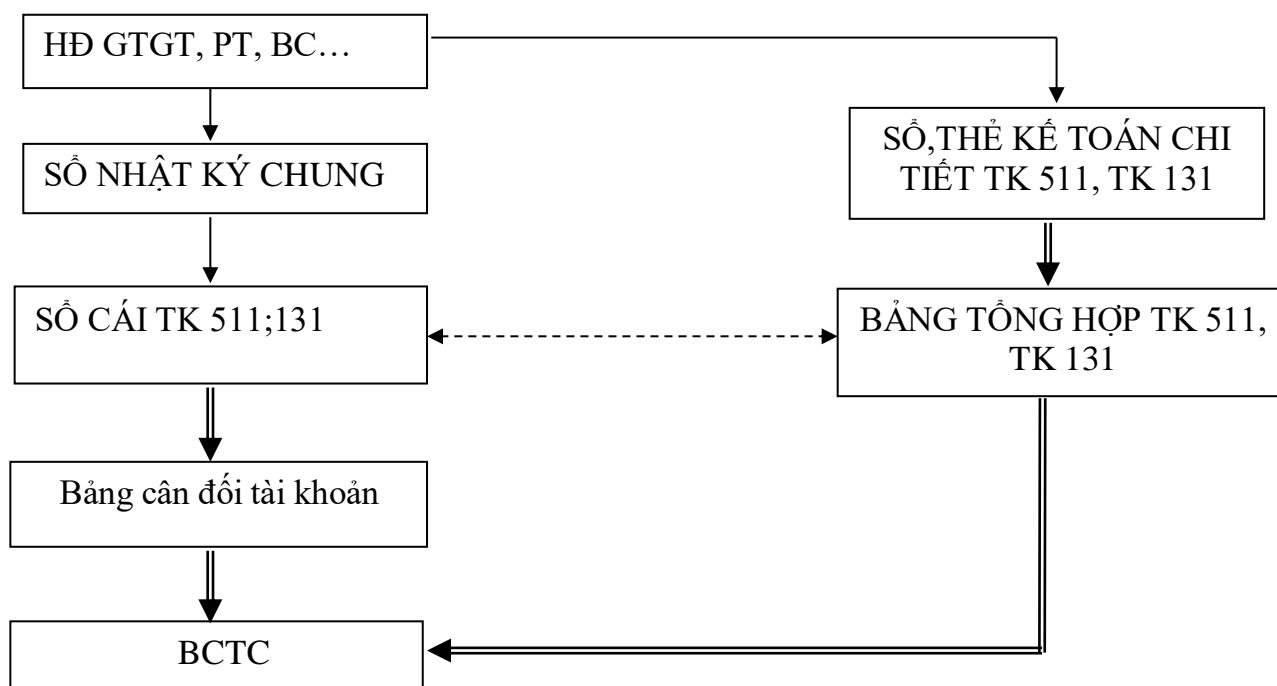
a. Chứng từ sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Chứng từ thanh toán: giấy báo có, phiếu thu
- Các chứng từ có liên quan khác

b. Tài khoản sử dụng:

- TK 511: Doanh thu bán hàng.
- TK 3331: Thuế GTGT phải nộp
- Các TK liên quan khác

c. Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.4: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ
- ←- - - -> Đối chiếu, kiểm tra.

Ví dụ:

Tháng 11/2016 Công ty phát sinh một số nghiệp vụ bán hàng. Căn cứ vào các chứng từ trên kế toán tiến hành ghi vào sổ NKC, từ Sổ Nhật ký chung vào sổ cái 511, Sổ cái TK 333, Sổ cái TK131.

Đồng thời căn cứ vào hoá đơn bán hàng tiến hành kế toán ghi sổ chi tiết bán hàng và sổ chi tiết 131.

- Ngày 12/11/2016 bán hàng cho Công ty CP khai thác chế biến khoáng sản Hải Dương theo hóa đơn số 0000231
- Ngày 23/11/2016 bán hàng cho Công ty cổ phần xi măng Thăng Long theo hóa đơn số 0000235

Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKT3/001			
Liên 3: Nội bộ		Ký hiệu: AA/16P			
Ngày 12 tháng 11 năm 2016		Số: 0000231			
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CP VTB ĐỨC THỊNH					
Mã số thuế: 0200949028					
Địa chỉ: Thôn Thủy An, Xã Thủy Đường, H.Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng					
Điện thoại:.....					
Số tài khoản:.....					
Họ và tên người mua hàng:.....					
Tên đơn vị: Công ty CP khai thác chế biến khoáng sản Hải Dương					
Mã số thuế: 0800282498					
Địa chỉ: Kinh Môn – Hải Dương					
Hình thức thanh toán:CK.... Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
01	Đất giàu sắt	Tấn	1.300	230.000	299.000.000
Cộng tiền hàng:					299.000.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		29.900.000
Tổng cộng tiền thanh toán					328.900.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm hai tám triệu chín trăm ngàn đồng chẵn/					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

(Nguồn: phòng kế toán tại Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh)

Biểu 2.2: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: AA/16P		
Ngày 23 tháng 11 năm 2016			Số: 0000235		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN ĐỨC THỊNH					
Mã số thuế: 0200949028					
Địa chỉ: Thôn Thủy An, Xã Thủy Đường, H.Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng					
Điện thoại:.....					
Số tài khoản:.....					
Họ tên người mua hàng:.....					
Tên đơn vị: Công ty CP xi măng Thăng Long					
Mã số thuế:5700360871					
Địa chỉ: Lê Lợi, Hoàn Bồ, Quảng Ninh					
Hình thức thanh toán:CK.... Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
01	Đất giàu sắt	Tấn	2.200	230.000	506.000.000
Cộng tiền hàng:					506.000.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		50.600.000
Tổng cộng tiền thanh toán					556.600.000
Số tiền viết bằng chữ: Năm trăm năm sáu triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn./					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

(Nguồn: phòng kế toán tại Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh)

Biểu 2.3: Giấy báo Có của ngân hàng



GIẤY BÁO CÓ

Số TK: 32110000547199

Tên Tài khoản: Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh

Ngân hàng thương mại cổ phần công thương xin trân trọng thông báo: Tài khoản của quý khách được ghi có với nội dung sau

Ngày	Số tiền	Loại tiền	Diễn giải
23/11/2016	556.600.000	VND	NH Phát lệnh: PHÒNG THANH TOÁN NGÂN QUỸ NH giữ tài khoản: Chi nhánh Hải Phòng – NHTMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM Số TK: 32110000547199 Người chuyên: Công ty CP xi măng Thăng Long Nội dung giao dịch: Thanh toán tiền hàng

(Nguồn: Phòng kế toán tại Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh)

Biểu 2.4: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị: Công ty cổ phần Vận tải biển Đức Thịnh
Địa chỉ: Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Mẫu số S17 - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Sản phẩm: Đất giàu sắt

Tháng 11 Năm 2016

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ
	SH	NT			SL	Đơn giá	Thành tiền	
	
09/11	0000212	09/11	Bán cho Công ty Mạnh Linh	131	2.000	230.000	460.000.000	0
12/11	0000231	12/11	Bán cho Cty khoáng sản Hải Dương	131	1.300	230.000	299.000.000	0
23/11	0000235	23/11	Bán cho công ty XM Thăng Long	112	2.200	230.000	506.000.000	0
						
			Cộng số phát sinh				3.656.264.000	

Ngày 30 tháng 11 năm 2016

Biểu số 2.5: Sổ tổng hợp bán hàng

Đơn vị: Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh

Địa chỉ: Thủy Đường- Thủy Nguyên- Hải Phòng

SỔ TỔNG HỢP BÁN HÀNG

(Trích)

Tháng 11 năm 2016

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên sản phẩm	Doanh thu bán hàng	Khoản giảm trừ	Doanh thu thuần
1	Đất giàu sắt	3.656.264.000	0	3.656.264.000
2	Xi nhiệt điện	2.747.356.000	0	2.747.356.000
3	Clank ke	1.875.423.000	0	1.875.423.000
		
	Cộng	19.143.896.213	0	19.143.896.213

Ngày 30 tháng 11 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán tại Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh)

Bảng 2.6 :Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh

Mẫu số S03a-DNN

Địa chỉ: Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng (Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
					
12/11	0000231	12/11	Doanh thu bán hàng hóa	131	328.900.000	
				511		299.000.000
				3331		29.900.000
			
23/11	0000235	23/11	Bán hàng thu CK	112	556.600.000	
				511		506.000.000
				3331		50.600.000
			
24/11	0000244	24/11	Bán hàng công ty Mạnh Linh	131	490.000.000	
				511		390.000.000
				3331		39.000.000
26/11	0000247	26/11	Doanh thu bán hàng cho công ty Chinfon	131	404.800.000	
				511		368.000.000
				3331		36.800.000
29/11	GBC154	29/11	Thu tiền lãi từ ngân hàng	112	113.521	
				515		113.521
.....				
31/12	PKC44	31/12	Kết chuyển giá vốn	911	54.474.382.344	
				632		54.474.382.344
			TỔNG CỘNG		355.569.587.230	355.569.587.230

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán tại Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh)

Biểu số 2.7: Sổ cái

Đơn vị: Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng (Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Số hiệu: 511

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		T.số	STT đồng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng Số phát sinh trong tháng					
.....					
12/11	0000231	12/11	Doanh thu bán hàng hóa công ty khoáng sản Hải Dương			131		299.000.000
							
23/11	0000235	23/11	DT bán hàng hóa cho công ty XM Thăng Long			112		506.000.000
							
24/11	0000244	24/11	DT bán hàng hóa cho công ty Mạnh Linh			131		390.000.000
26/11	0000247	26/11	DT bán hàng hóa cho công ty Chinfon			131		368.000.000
.....					
31/12	PKT45	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần			911	57.975.357.322	
			Cộng phát sinh tháng				57.975.357.322	57.975.357.322
			Số dư cuối tháng					

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty CP vận tải biển Đức Thịnh)

2.2.1.2. *Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh*

a. Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu xuất kho

- Bảng kê xuất...

b. Tài khoản sử dụng

- TK 632 - Giá vốn hàng bán

- TK 156- Hàng hóa....

Phương pháp xác định giá vốn hàng bán:

Công ty xác định giá vốn hàng hoá theo phương thức bình quân sau mỗi lần nhập

$$P_N = \frac{P_{TN}}{SL_N}$$

Giải thích

P_N : Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập

P_{TN} : Giá thực tế hàng hoá tồn kho sau mỗi lần nhập

SL_N : Số lượng thực tế hàng hoá tồn sau mỗi lần

Ví dụ: Tính giá vốn hàng bán cho mặt hàng đất giàu sắt

- Ngày 1/11/2016 tồn kho 2.500tấn, đơn giá 230.000 đ/tấn

- Ngày 07/11/2016 nhập kho 3.700tấn , đơn giá 220.000 đ/tấn

- Ngày 12/11/2016 xuất kho 1.300tấn bán cho Công ty Khoáng sản Hải Dương

Đơn giá bình quân sau lần nhập ngày 07/11

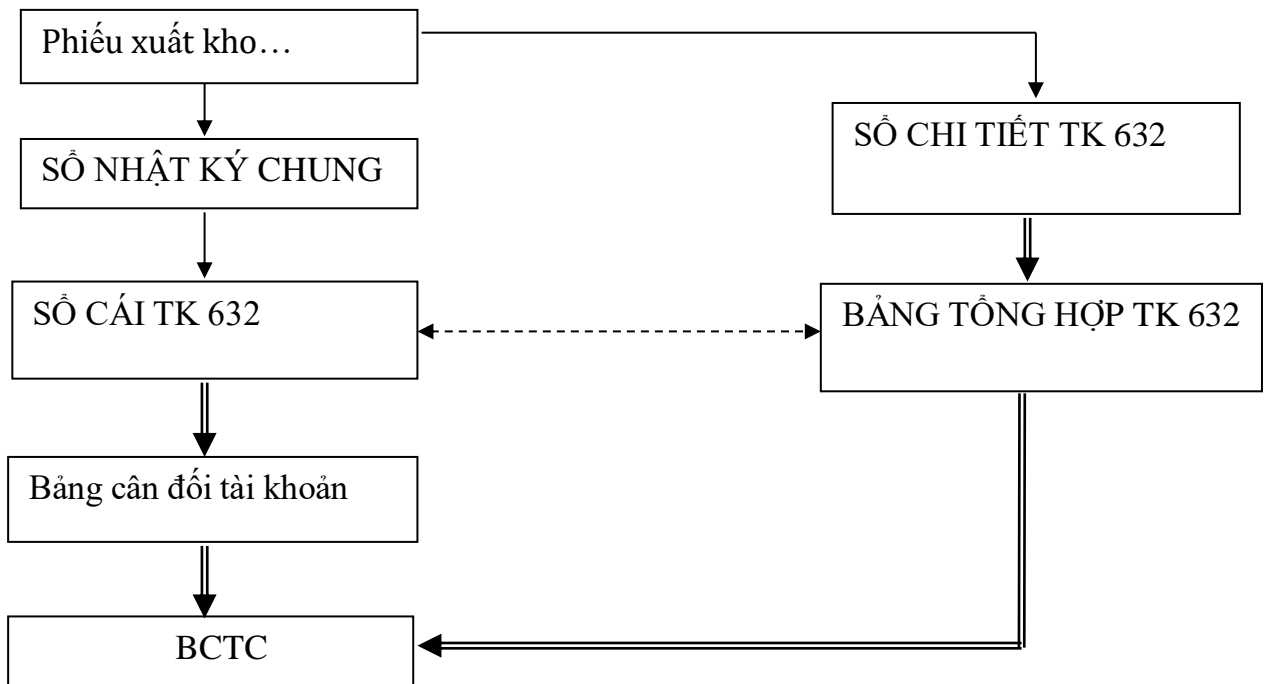
$$\begin{aligned} \text{Đơn giá bình} & \quad (2.500 \times 230.000) + (3.700 \times 220.000) \\ \text{quân của đất} & = \frac{\quad}{(2.500 + 3.700)} = 224.000\text{đ/tấn} \\ \text{giàu sắt} & \end{aligned}$$

Vậy trị giá hàng xuất kho ngày 12/11 là: 1.300tấn *224.000đ/ tấn = 291.200.000đ

Từ ngày 12/11 Doanh nghiệp không nhập thêm hàng đối với đất giàu sắt. Do đó đơn giá xuất kho ngày 23/11 là : 224.000đ/tấn

Vậy trị giá xuất kho ngày 23/11 là: 2.200 x 224.000 = 492.800.000đ

c. Trình tự ghi sổ kế toán:



Sơ đồ 2.5: Quy trình ghi sổ kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh

Tiếp ví dụ phân doanh thu bán hàng, tác giả trình bày cách ghi sổ đối với giá vốn hàng bán của 2 nghiệp vụ trên (Ngày 12 và 23/11/2016).

Biểu số 2.8: Phiếu xuất kho

Đơn vị: Công ty cổ phần Vận tải biển Đức Thịnh

Mẫu số 02 – VT

Địa chỉ: Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 12 tháng 11 năm 2016

Số: 081

Nợ: 632

Có : 156

Họ tên người giao: Trần Thị Lụa

Địa chỉ: Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh

Lý do xuất: Xuất hàng bán cho công ty khoáng sản Hải Dương

Xuất kho tại: Kho công ty

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Đất giàu sắt		Tấn	1.300	1.300	224.000	291.200.000
	Cộng	x	X	1.300	1.300	224.000	291.200.000

- Tổng số tiền(Viết bằng chữ): Hai trăm chín mươi một triệu hai trăm nghìn đồng chẵn ./

- Chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 12 tháng 11 năm 2016

Người lập phiếu Người giao hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty CP vận tải biển Đức Thịnh)

Biểu số 2.9: Phiếu xuất kho

Đơn vị: Công ty cổ phần Vận tải biển Đức Thịnh
Địa chỉ: Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Mẫu số 02 – VT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 23 tháng 11 năm 2016

Số: 086

Nợ: 632

Có : 156

Họ tên người giao: Trần Thị Lua

Địa chỉ: Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh

Lý do xuất: Xuất hàng bán cho công ty XM Thăng Long

Xuất kho tại: Kho công ty

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Đất giàu sắt		Tấn	2.200	2.200	224.000	492.800.000
	Cộng	x	X	2.200	2.200	224.000	492.800.000

- Tổng số tiền(Viết bằng chữ): Bốn trăm chín mươi hai triệu tám trăm ngàn đồng chẵn ./

- Chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 23 tháng 11 năm 2016

Người lập phiếu **Người giao hàng** **Thủ kho** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty CP vận tải biển Đức Thịnh)

Biểu số 2.10: Sổ chi tiết giá vốn

Đơn vị : Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh

Địa chỉ: Thủy Đường- Thủy Nguyên- HP

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tên sản phẩm: Đất giàu sắt

Tháng 11 năm 2016

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	SH	Ngày tháng				
			...			
12/11	PX081	12/11	Xuất bán cho Công ty khoáng sản Hải Dương	1.300	224.000	291.200.000
			...			
23/11	PX086	23/11	Xuất bán cho công ty XM Thăng Long	2.200	224.000	492.800.000
		
26/11	PX087	26/11	Xuất bán cho C.Ty Mạnh Linh	1.500	224.000	336.000.000
			...			
			Cộng phát sinh			1.356.756.000

Ngày 30 tháng 11 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty CP vận tải biển Đức Thịnh)

Biểu số 2.11: Sổ tổng hợp giá vốn

Đơn vị: : Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh

Địa chỉ: Thủy Đường- Thủy Nguyên-Hải Phòng

SỔ TỔNG HỢP GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tháng 11 năm 2016

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên sản phẩm	Số tiền
01	Đất giàu sắt	1.356.756.000
02	Xi nhiệt điện	654.952.600
03	Clanke	796.453.426
.....		
	Cộng	17.526.412.625

Ngày 30 tháng 11 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty CP vận tải biển Đức Thịnh)

Biểu số 2.12: Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh

Mẫu số S03a-DNN

Địa chỉ: Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng (Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
					
12/11	0000231	12/11	Doanh thu bán hàng hóa	131	328.900.000	
				511		299.000.000
				3331		29.900.000
12/11	PX081	12/11	Giá vốn hàng bán cho Cty KS Hải Dương	632	291.200.000	
				156		291.200.000
			
23/11	0000235	23/11	Bán hàng thu CK	112	556.600.000	
				511		506.000.000
				3331		50.600.000
23/11	PX086	23/11	Giá vốn hàng bán cho Cty XM Thăng Long	632	492.000.000	
				156		492.000.000
			
26/11	0000087	26/11	Giá vốn hàng bán cho công ty Chinfon	632 156	352.000.000	352.000.000
.....				
31/12	PKC44	31/12	Kết chuyển giá vốn	911	54.474.382.344	
				632		54.474.382.344
			TỔNG CỘNG		355.569.587.230	355.569.587.230

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.13: Sổ cái TK 632

Đơn vị: Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng (Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu : 632

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		T.số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng Số phát sinh trong tháng					
...					
12/11	PX081	12/11	Giá vốn hàng bán Công ty KS Hải Đương			156	291.200.000	
							
23/11	PX083	23/11	Giá vốn hàng bán cho c.ty XM Thăng Long			156	492.000.000	
							
26/11	PX087	26/11	Giá vốn hàng bán cho công ty XM Chinphon			156	352.000.000	
.....					
31/12	PKC44	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán			911		54.474.382.344
			Cộng phát sinh				54.474.382.344	54.474.382.344
			Số dư cuối tháng					
			Cộng lũy kế từ đầu quý					

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty CP vận tải biển Đức Thịnh)

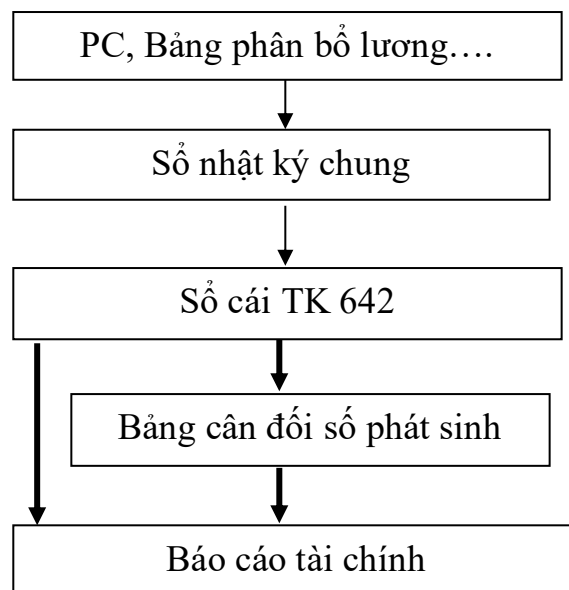
2.2.1.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

a. Chứng từ sử dụng

- Bảng thanh toán lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng
- Phiếu xuất kho
- Các hóa đơn dịch vụ mua ngoài
- Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng

b. Tài khoản sử dụng: TK 642- Chi phí quản lý kinh doanh.

c. Trình tự ghi sổ kế toán



Sơ đồ 2.6: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng: →

Biểu số 2.14: Bảng thanh toán lương tháng 11/2016

Đơn vị: Công ty cổ phần Vận tải biển Đức Thịnh

Địa chỉ: Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Mẫu số 02 – LĐTL

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG THÁNG 11/2016

ST T	Họ tên	Tiền lương Ngày	Lương TG		Phụ cấp		Lương thực tê	Các khoản trích theo lương			Cộng	Thực lĩnh	Kí nhận
			Công	Tiền	TN	Ăn trưa		BHXH	BHYT	BHTN			
								8%	1.5%	1%			
1	Trần Thị Lụa	300.000	26	7.800.000	800.000	600.000	9.200.000	299.600	56.175	37.450	393.225	8.806.775	
2	Lý Thị Thanh	350.000	25	8.750.000	1000.000	600.000	10.350.000	299.600	56.175	37.450	393.225	9.956.775	
3	Vương Thị Mai	280.000	22	6.160.000	600.000	600.000	7.360.000	299.600	56.175	37.450	393.225	6.966.775	
4	Nguyễn Giang Hương	320.000	20	6.400.000	1000.000	600.000	8.000.000	299.600	56.175	37.450	393.225	7.606.775	
5	Vũ Văn Khương	320.000	25	8.000.000	1000.000	600.000	9.600.000	299.600	56.175	37.450	393.225	9.206.775	
6	Lê Văn Sinh	300.000	27	8.100.000	800.000	600.000	9.500.000	299.600	56.175	37.450	393.225	9.106.775	
7	Bùi Thị Hòa	300.000	20	6.000.000	800.000	600.000	7.400.000	299.600	56.175	37.450	393.225	7.006.775	
8	Nguyễn Thị Hạnh	280.000	26	7.280.000	600.000	600.000	8.480.000	299.600	56.175	37.450	393.225	8.086.775	
9	Hoàng Đình Văn	250.000	26	6.500.000	400.000	600.000	7.500.000	299.600	56.175	37.450	393.225	7.106.775	
10	Chu Văn Hiếu	250.000	21	5.250.000	400.000	600.000	6.250.000	299.600	56.175	37.450	393.225	5.856.775	
11	Vũ Thị Bích	250.000	25	6.250.000	400.000	600.000	7.250.000	299.600	56.175	37.450	393.225	6.856.775	
12	Vũ Văn Mạnh	250.000	18	4.500.000	400.000	600.000	5.500.000	299.600	56.175	37.450	393.225	5.106.775	
13	Trần Văn Trọng	250.000	26	6.500.000	400.000	600.000	7.500.000	299.600	56.175	37.450	393.225	7.106.775	
14	Lương Minh Long	250.000	15	3.750.000	400.000	600.000	4.750.000	299.600	56.175	37.450	393.225	4.356.775	
15	Lê Thị Huệ	250.000	26	6.500.000	400.000	600.000	7.500.000	299.600	56.175	37.450	393.225	7.106.775	
TỔNG				97.740.000	9.400.000	9.000.000	116.140.000	4.494.000	842.625	561.750	5.898.375	110.241.625	

Ngày 30 tháng 11 năm 2016

Biểu số 2.15: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKT3/001			
Liên 2: Giao cho người mua		Ký hiệu: AA/16P			
Ngày 09 tháng 11 năm 2016		Số: 0000235			
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CP XNK TENCY					
Mã số thuế: 0200949563					
Địa chỉ: TT Núi Đèo, Thủy Đường, H.Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng					
Điện thoại:.....					
Số tài khoản:.....					
Họ tên người mua hàng:.....					
Tên đơn vị: Công ty CP VTB Đức Thịnh					
Mã số thuế:0200949028					
Địa chỉ: Thôn Thủy An, Xã Thủy Đường, H.Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng					
Hình thức thanh toán:TM.... Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
01	Đồ dùng văn phòng	Cái	1	2.000.000	2.000.000
Cộng tiền hàng:					2.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			200.000
Tổng cộng tiền thanh toán					2.200.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu hai trăm ngàn đồng chẵn./					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

(Nguồn: Phòng kế toán tại Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh)

Biểu số 2.16: Phiếu chi

Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh

Mẫu số : 02 - TT

Thùý Đường – Thùý Nguyên – Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 09 tháng 11 năm 2016

Quyển sổ

Số : 48

Nợ 642

Có 111

Họ tên người nhận tiền: Trần Thị Lụa

Địa chỉ: Công ty Cổ phần vận tải biển Đức Thịnh

Lý do chi: Chi tiền mặt mua văn phòng phẩm

Số tiền : 2.200.000 Viết bằng chữ : Hai triệu hai trăm ngàn đồng chẵn./

Kèm theo : Chứng từ gốc

Ngày 09 tháng 11 năm 2016

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nhận tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký,họ tên,đóng dấu)	(Ký,họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) : Hai triệu hai trăm ngàn đồng chẵn./

(Nguồn: Phòng kế toán tại Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh)

Biểu số 2.17 : Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty cổ phần Vận tải biển Đức Thịnh
Địa chỉ: Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Mẫu số S03a - DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có

09/11	PC48	09/11	Chi tiền mua dụng cụ văn phòng	642	2.000.000	
				133	200.000	
				111		2.200.000
					
22/11	PT51	22/11	Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ	111	300.000.000	
				112		300.000.000
30/11	BTTL T11	30/11	Thanh toán lương cho bộ phận văn phòng	642	116.140.000	
				334		116.140.000
31/12	PKC45	31/12	Kết chuyển CP QL kinh doanh	911	3.529.449.218	
				642		3.529.449.218
			TỔNG CỘNG		355.569.587.230	355.569.587.230

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.18: Sổ cái TK 642

Đơn vị: Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng (Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

(Đơn vị tính: đồng)

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TKĐ U	Số phát sinh	
	SH	NT		T.số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng Số phát sinh trong tháng					
.....					
09/11	PC 48	09/11	Chi tiền mặt mua văn phòng phẩm			111	2.000.000	
					
22/11	PC 65	22/11	Chi tiền tiếp khách			111	8.496.000	
30/11	BL11	30/11	Tiền lương phải trả			334	116.140.000	
					
31/12	PKT46	31/12	Kết chuyển chi phí QLKD			911		3.529.449.28
			Cộng phát sinh tháng				3.529.449.218	3.529.449.218
			Số dư cuối tháng					

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán tại Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh)

2.2.2. Kế toán doanh thu và chi phí tài chính

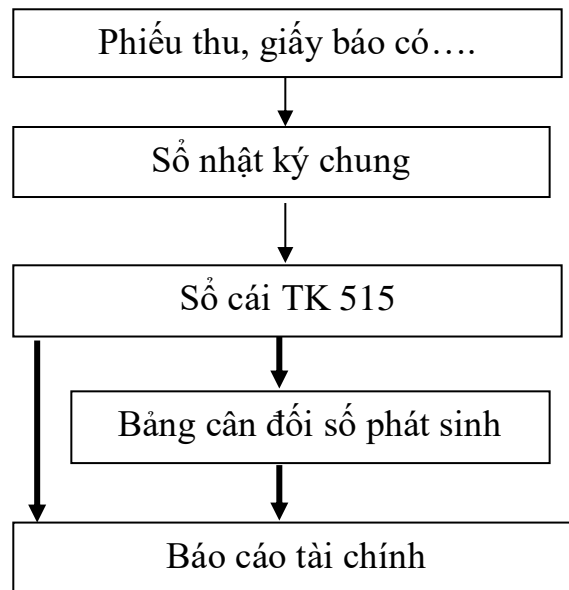
a. Chứng từ sử dụng :

- Phiếu thu
- Giấy báo có .
- Phiếu kế toán.

b. Tài khoản sử dụng:

- TK 515: Doanh thu tài chính.

c. Trình tự ghi sổ kế toán



Sơ đồ 2.7: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu tài chính tại Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng: →

Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam

GIẤY BÁO CÓ GDV: TRAN THU TRANG

Ngày 29/11/2016 Mã KH : 44589

Số GD: 78

Kính gửi: Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh

Mã số thuế: 0200949028

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi có 102010001653928

Số tiền bằng số: 113.521

Số tiền bằng chữ: Một trăm mười ba ngàn năm trăm hai một đồng

Nội dung: Trả lãi T10/ 2016

GIAO DỊCH VIÊN

Teller
(Đã ký)

KIỂM SOÁT

Supervisor
(Đã ký)

(Nguồn: Phòng kế toán tại Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh)

Từ giấy báo có kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (biểu 2.8), sau đó căn cứ vào Sổ nhật ký chung ghi sổ cái TK 515(Biểu 2.20)

Biểu số 2.19: Sổ cái TK 515

Đơn vị: Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng (Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu tài chính

Số hiệu: 515

(Đơn vị tính: đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		T.số	STT đòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng Số phát sinh trong tháng					
.....					
29/11	GD 78	29/11	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng Công thương VN			112		113.521
					
29/11	PT48/11	29/11	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng Vietinbank			111		95.426
31/12	PKT47	31/12	Kết chuyển doanh thu TC			911	4.087.768.563	
			Cộng phát sinh tháng				4.087.768.563	4.087.768.563
			Số dư cuối tháng					

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty CP vận tải biển Đức Thịnh)

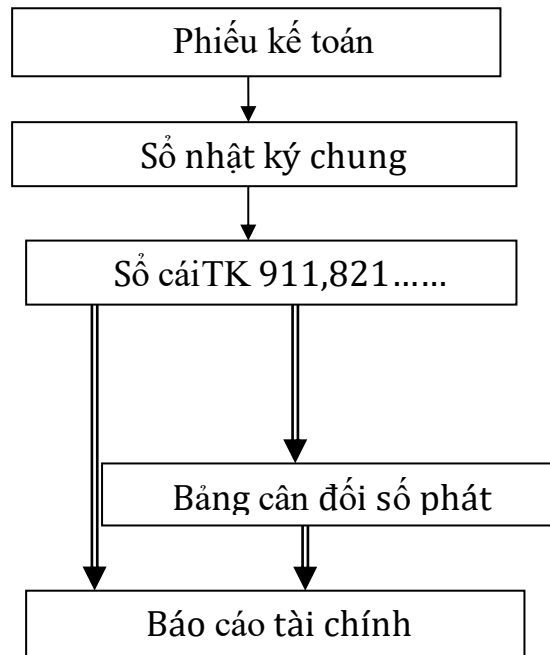
2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP vận tải biển Đức Thịnh

a. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán

b. Tài khoản sử dụng: TK 911, TK421, TK821

c. Trình tự ghi sổ kế toán



Sơ đồ 2.8: Quy trình ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP vận tải biển Đức Thịnh

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ

Biểu 2.20: Phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh

Địa chỉ: Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 42

STT	Diễn giải	TKĐU		Số tiền
		Nợ	Có	
	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	57.975.357.322
	Cộng			57.975.357.322

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.21: Phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh

Địa chỉ: Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 44

STT	Diễn giải	TKĐU		Số tiền
		Nợ	Có	
	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	54.474.382.344
	Cộng			54.474.382.344

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.22: Phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh

Địa chỉ: Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 46

STT	Diễn giải	TKĐU		Số tiền
		Nợ	Có	
	Kết chuyển chi phí QL kinh doanh	911	642	3.529.449.218
	Cộng			3.529.449.218

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.23: Phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh

Địa chỉ: Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 47

STT	Diễn giải	TKĐU		Số tiền
		Nợ	Có	
	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	4.087.768.563
	Cộng			4.087.768.563

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.24: Phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh

Địa chỉ: Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 48

STT	Diễn giải	TKĐU		Số tiền
		Nợ	Có	
	Chi phí thuế TNDN	821	3334	811.858.865
	Cộng			811.858.865

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.25: Phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh

Địa chỉ: Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 49

STT	Diễn giải	TKĐU		Số tiền
		Nợ	Có	
	Kết chuyển thuế TNDN	911	821	811.858.865
	Cộng			811.858.865

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.26: Phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh

Địa chỉ: Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 49

STT	Diễn giải	TKĐU		Số tiền
		Nợ	Có	
	Kết chuyển lãi	911	421	3.247.435.458
	Cộng			3.247.435.458

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.27: Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty cổ phần Vận tải biển Đức Thịnh
Địa chỉ: Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Mẫu số S03a - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có

31/12	PKT 42	31/12	Kết chuyển DTBH	511	57.975.357.322	
				911		57.975.357.322
31/12	PKT 44	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	54.474.382.344	
				911		54.474.382.344
31/12	PKT 46	31/12	Kết chuyển CPQLKD	642	3.529.449.218	
				911		3.529.449.218
31/12	PKT 47	31/12	Kết chuyển DTHĐTC	511	4.087.768.563	
				911		4.087.768.563
31/12	PKT 48	31/12	CP thuế TNDN	821	811.858.865	
				3334		811.858.865
31/12	PKT 49	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	911	811.858.865	
				821		811.858.865
31/12	PKT 50	31/12	Kết chuyển lãi	911	3.247.435.458	
				421		3.247.435.458
		
			TỔNG CỘNG		355.569.587.230	355.569.587.230

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.28. Sổ cái TK 911

Đơn vị: Công ty cổ phần Vận tải biển Đức Thịnh
 Địa chỉ: Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Mẫu số S03b - DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2016

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị: VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐ Ư	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
.....
31/12	PKT 44	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	54.474.382.344	
31/12	PKT 46	31/12	Kết chuyển CQLKD	642	3.529.449.218	
31/12	PKT 42	31/12	Kết chuyển DTBH	511		57.975.357.322
31/12	PKT 47	31/12	Kết chuyển DTHĐTC	515		4.087.768.563
31/12	PKT 49	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	821	811.858.865	
31/12	PKT 50	31/12	Kết chuyển lãi	421	3.247.435.458	
			Cộng phát sinh		57.979.445.090	57.979.445.090
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC
KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN ĐỨC THỊNH****3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cp vận tải biển đức thịnh**

Trong nền kinh tế thị trường ngày nay, các doanh nghiệp chịu tác động không nhỏ đến từ những biến động của nền kinh tế. Vì vậy, một doanh nghiệp có thể tồn tại và phát triển được đòi hỏi nhà quản trị doanh nghiệp phải có những chiến lược kinh doanh đúng đắn. Để phục vụ cho công tác quản lý, các nhà quản trị đưa ra được những quyết định chính xác góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh. Để làm được điều đó việc tổ chức bộ máy kế toán góp một phần không nhỏ. Trong thời gian thực tập tại Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh em nhận thấy công tác kế toán nói chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng tại công ty có những ưu điểm và nhược điểm sau:

3.1.1. Ưu điểm**a) Đánh giá chung về công tác kế toán tại công ty****Về tổ chức bộ máy kế toán tại công ty**

Là một công ty có quy mô nhỏ, chủ yếu hoạt động kinh doanh dịch vụ, vì vậy việc áp dụng mô hình tổ chức công tác kế toán tập trung là khá phù hợp. Mỗi kế toán viên sẽ đảm nhận chức năng nhiệm vụ của mình dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng, đảm bảo sự chuyên môn hoá của cán bộ kế toán, đồng thời phát huy được trình độ của mỗi nhân viên.

Về nhân sự, bộ phận kế toán có ba người gồm một kế toán trưởng và hai kế toán viên rất phù hợp với khối lượng công việc kế toán tại công ty. Thêm vào đó, đội ngũ kế toán có bề dày kinh nghiệm, vững vàng kiến thức chuyên môn giúp cho công tác kế toán tại công ty đạt hiệu quả cao.

Về hình thức kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung” là phù hợp. Đây là hình thức sổ kế toán đơn giản, giúp cho kế toán thuận tiện trong việc ghi chép, xử lý số liệu kế toán mà còn tiết kiệm được thời gian và công sức, tạo điều kiện cho việc cung cấp thông tin đầy đủ kịp thời. Với sự hỗ trợ của kế toán máy Excel, việc

ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được nhanh chóng hơn, tiết kiệm thời gian và công sức.

Về sổ sách kế toán sử dụng

Sổ sách kế toán của công ty được lập rõ ràng, chính xác, theo mẫu hướng dẫn của Nhà nước. Không cứng nhắc theo các mẫu sổ kế toán được quy định, kế toán công ty còn sáng tạo, tìm tòi lập ra nhưng sổ kế toán mới phù hợp với đặc điểm kinh doanh, tình hình thực tế, yêu cầu quản lý của công ty nhưng vẫn tuân thủ theo đúng quy định, phản ánh đúng, chính xác, minh bạch nội dung nghiệp vụ kinh tế, tăng hiệu quả giám sát, quản lý và đối chiếu.

Về chứng từ kế toán sử dụng

Công ty sử dụng đúng chứng từ theo Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC).

Chứng từ kế toán liên quan đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh như: hóa đơn GTGT, phiếu thu, phiếu chi, bảng khấu hao, phân bổ,... của công ty được lập rõ ràng, chính xác theo nội dung quy định trên mẫu.

Về công tác kế toán doanh thu: mọi nghiệp vụ bán hàng đều được kế toán ghi nhận vào doanh thu một cách kịp thời và đầy đủ, chính xác về nội dung. Khi bán hàng kế toán tiến hành lập hóa đơn GTGT thành 3 liên: liên 1 lưu tại quầy, liên 2 giao cho khách hàng, liên 3 lưu nội bộ làm căn cứ để ghi sổ kế toán.

Về công tác kế giá vốn: công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác hạch toán giá vốn.

Về công tác xác định kết quả hoạt động kinh doanh: do kế toán đã quản lý, theo dõi tốt các khoản doanh thu, chi phí đề cập ở trên vì thế công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh được thực hiện một cách dễ dàng, cung cấp cho giám đốc những thông tin kế toán chính xác, kịp thời, qua đó nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.

3.1.2. Một số mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty

Bên cạnh những ưu điểm đề cập ở trên công ty CP vận tải biển Đức Thịnh còn tồn tại những mặt hạn chế sau đây:

Về việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán

Công tác kế toán được thực hiện trên Excel đã phần nào giảm bớt được khối lượng công việc cho kế toán nhưng do không áp dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán nên nhà quản trị và nhân viên kế toán gặp không ít khó khăn. Cụ thể:

- Với nhà quản trị sẽ phải phân chia bộ phận kế toán sao cho mỗi kế toán phụ trách một phần hành kế toán. Mặt khác khi muốn xem báo cáo ở một thời điểm bất kỳ phải đợi kế toán cập nhật và tính toán đầy đủ các thông tin tổng hợp vì vậy nhà quản trị không thể kiểm soát và tra cứu thông tin nhanh chóng, tức thời.

- Với nhân viên kế toán thì mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải hạch toán vào các chứng từ, sổ sách liên quan nên phải cập nhật thông tin nhiều lần cho mỗi nghiệp vụ, tổng hợp thông tin khó khăn và dễ nhầm lẫn vì phải tính toán bằng tay, đặc biệt làm báo cáo tài chính rất vất vả.

Về tổ chức hệ thống sổ kế toán

Công ty không mở các sổ nhật ký chuyên dùng như sổ nhật ký bán hàng và sổ nhật ký thu tiền; điều này gây khó khăn cho việc theo dõi tình hình thanh toán của khách hàng, nhất là hình thức bán hàng thu tiền sau và việc đối chiếu sổ sách kế toán, công việc dồn vào sổ Nhật ký chung.

Về việc áp dụng chính sách ưu đãi đối với khách hàng

Hiện nay công ty không có nhiều chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu như: chiết khấu thương mại,... Thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp kích thích được nhu cầu khách, thu hút được nhiều khách hàng nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy tăng doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay của vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Điều này trong nền kinh tế thị trường như hiện nay là rất cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.

3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP vận tải biển đức thịnh

3.2.1. Ứng dụng phần mềm kế toán

Thị trường ngày càng phát triển thì quy mô của các doanh nghiệp ngày càng mở rộng, tính chất hoạt động ngày càng cao làm cho nhu cầu nhận và xử lý thông tin ngày càng trở nên khó khăn, phức tạp vì thế để tăng hiệu quả trong công tác kế toán, công ty nên áp dụng phần mềm kế toán để tiết kiệm thời gian, công sức. Phần mềm kế toán cung cấp tức thì bất kỳ số liệu và báo cáo kế toán nào, tránh sai lệch số liệu, tiết kiệm nguồn nhân lực, chi phí và tăng cường tính chuyên nghiệp của nhân sự làm gia tăng giá trị chất lượng trong mắt đối tác, khách hàng.

Ưu điểm của việc sử dụng phần mềm kế toán máy trong hạch toán kế toán:

- Ít tốn thời gian: Phần mềm kế toán được thiết kế giúp các doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và làm thao tác. Đây là một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán.

- Chính xác: Các chương trình kế toán có độ chính xác rất cao và hiếm khi gây ra lỗi. Sai sót duy nhất của doanh nghiệp gặp phải có thể là do nhập sai dữ liệu và thông tin sai lệch ngay từ đầu.

- Dễ sử dụng: Phần hết các phần mềm kế toán đều dễ sử dụng và dễ hiểu. Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm kế toán đều có phần hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán doanh nghiệp có thể sử dụng dễ dàng.

Đối với nhà quản lý:

- Tiết kiệm được thời gian quản lý tài chính cho nhà quản lý.
- Nắm được các thông tin tức thời từ các hoạt động của công ty khi truy cập trực tiếp trên chương trình phần mềm.

- Có các thông tin thể hiện dưới dạng bảng biểu, con số thống kê, đồ họa minh họa.

- Nhà quản lý có khả năng truy xuất trực tiếp trên phần mềm để xem các báo cáo, thông tin, hoàn toàn chủ động với số liệu kế toán tài chính.

Đối với bộ phận kế toán tài chính:

- Thực hiện các chức năng kế toán quản trị phục vụ yêu cầu của nhà quản lý.
- Hỗ trợ tối đa công tác hạch toán, làm sổ sách theo quy định.
- Có được giải pháp, quy trình chuẩn và kế toán tài chính tuân thủ hoàn toàn theo quy định của bộ tài chính và pháp luật Việt Nam.

- Có thể trả lời nhanh các câu hỏi của nhà quản lý liên quan đến con số như: doanh thu, chi phí, lãi - lỗ, tiền tại quỹ, ngân hàng, công nợ, kho hàng hóa...

- Luôn chủ động trong công việc hàng ngày, hàng tháng.

Đối với các bộ phận khác:

Quan hệ giữa các phòng trở nên thuận tiện hơn, phối hợp thông tin giữa các phòng ban tránh các công việc trùng lặp.

Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán để tạo điều kiện tốt nhất cho kế toán viên hoàn thành nhiệm vụ của mình và đưa ra những thông tin kế toán chính xác và kịp thời hơn. Trên thị trường hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán như:

Phần mềm kế toán MISA

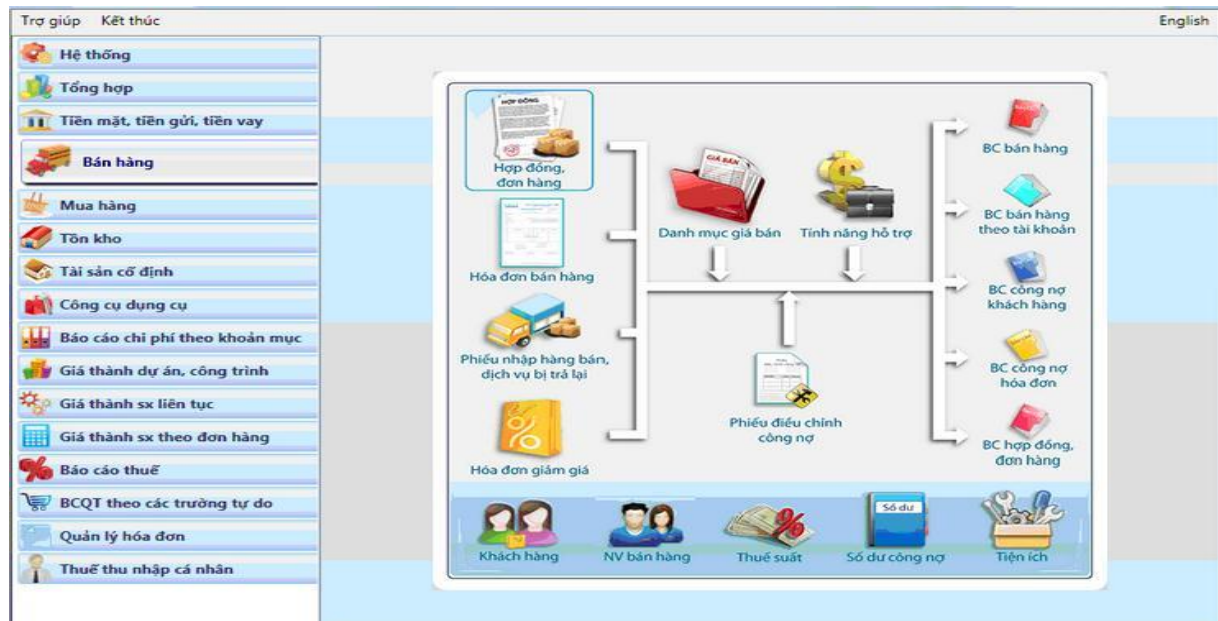


Phần mềm Misa là giải pháp cho các loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ được áp dụng trong các trường hợp: doanh nghiệp mới thành lập, doanh nghiệp thương mại có quy mô đơn giản, có mức độ quản lý không quá phức tạp hay những doanh nghiệp có yêu cầu về quản trị cao hơn và có mô hình hoạt động lớn ở mức độ tương đối hoặc những doanh nghiệp thực hiện kinh doanh ở nhiều lĩnh vực.

Phần mềm Misa có ưu điểm là dễ sử dụng bởi giao diện trực quan và thân thiện với người dùng, những người mới bắt đầu sử dụng phần mềm cũng sẽ cảm thấy thoải mái, không nhức mắt, cho phép cập nhật dữ liệu như nhiều hóa đơn 1 phiếu chi một cách linh hoạt, các mẫu giấy tờ chứng từ theo quy định ban hành. Và điểm nổi trội nữa của Misa là chức năng thao tác lưu và ghi sổ dữ liệu khá nhanh chóng; công nghệ bảo mật dữ liệu cao.

Phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING

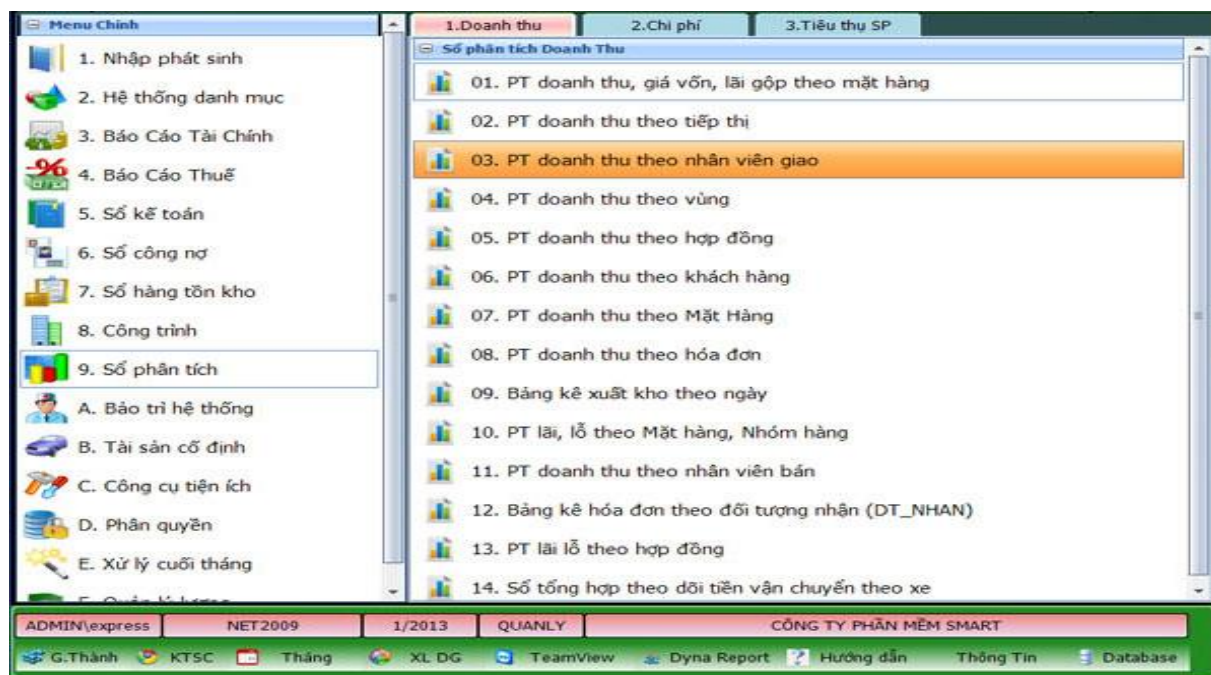
Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.



Fast Accounting có thể chạy trên máy đơn lẻ, mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua internet. Đặc biệt Fast Accounting cho phép chạy trên web-based giúp cho người sử dụng không phải cài đặt phần mềm trên máy tính, chỉ cần truy cập qua địa chỉ trên web, gõ tên và mật khẩu là có thể làm việc bình thường. Điều này tạo thuận lợi khi làm việc từ xa và khi mở rộng thêm văn phòng, chi nhánh,...

Hiện nay Fast có nhiều sản phẩm phù hợp với các loại hình doanh nghiệp:

Phần mềm kế toán SMART



Phần mềm kế toán Smart phù hợp với các doanh nghiệp Xây dựng, Sản xuất, Thương mại, Dịch vụ, XNK,...

3.2.2. Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại

Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc cam kết mua bán hàng.

Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thương mại sẽ giúp kích thích được việc khách hàng mua với số lượng lớn làm tăng khả năng tiêu thụ hàng.

Chính sách chiết khấu thương mại tại công ty có thể thực hiện theo cách sau:

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp cùng ngành.

- Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp.

Quy định khi hoạch toán chiết khấu thương mại

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên Hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn bán hàng lần cuối. Khoản chiết khấu này không được hoạch toán vào TK 5211. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

- Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng ghi trên hóa đơn lần

cuối cùng thì phải chi chiết khấu thương mại cho người mua chiết khấu thương mại ghi ngoài hóa đơn. Khoản chiết khấu thương mại này được hạch toán vào TK 5211.

Phương pháp hạch toán

Tài khoản sử dụng: **TK 5211** - Chiết khấu thương mại

Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ kế toán ghi:

Nợ TK 5211 – Chiết khấu thương mại (Số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)

Nợ TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp

Có TK111,112, 131

Cuối tháng kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận cho người mua sang TK 511 để xác định doanh thu thuần.

Nợ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 5211 – Chiết khấu thương mại

Ví dụ: Ngày 14/11/2016, xuất bán hàng cho công ty Cổ phần - HĐ 0000233 với số tiền là 221.760.000 (giá đã gồm thuế VAT 10%). Khách hàng thanh toán bằng tiền mặt.

Khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn thì công ty có thể cho khách hàng hưởng chiết khấu thương mại là 5% trả bằng tiền mặt. Áp dụng vào hóa đơn bán hàng số 0000233

Kế toán định khoản như sau:

Ghi nhận doanh thu:

Nợ TK 1111: 221.760.000

Có TK 5111: 201.600.000

Có TK 3331: 20.160.000

Khoản chiết khấu thương mại phát sinh:

Nợ TK 5211: 10.080.000

Nợ TK 3331: 1.008.000

Có TK 1111: 11.088.000

Kết chuyển chiết khấu thương mại:

Nợ TK 5111: 10.080.000

Có TK 5211: 10.080.000

Biểu 3.1: Hóa đơn GTGT số 0000233

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: AA/16P		
Ngày 14 tháng 11 năm 2016			Số: 0000233		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CP VTB ĐỨC THỊNH					
Mã số thuế: 0200949028					
Địa chỉ: Thôn Thủy An, Xã Thủy Đường, H.Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng					
Điện thoại:.....					
Số tài khoản:.....					
Họ và tên người mua hàng:.....					
Tên đơn vị: Công ty CP khai thác chế biến khoáng sản Hải Dương					
Mã số thuế: 0800282498					
Địa chỉ: Kinh Môn – Hải Dương					
Hình thức thanh toán:CK.... Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
01	Đất giàu sắt	Tấn	900	224.000	201.600.000
Cộng tiền hàng:					201.600.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		20.160.000
Tổng cộng tiền thanh toán					221.760.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm hai một triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

Biểu 3.2: Phiếu chi số 14

Đơn vị: Công ty CP VTB Đức Thịnh		Mẫu số 02-TT		
Địa chỉ: Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng		(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)		
PHIẾU CHI		Số: 072		
Ngày 14 tháng 11 năm 2016				
Nợ TK 5211: 10.080.000				
Nợ TK 3331: 1.008.000				
Có TK 1111: 11.088.000				
Họ và tên người nộp tiền: Trần Thị Lụa				
Địa chỉ: Công ty KS Hải Dương				
Lý do chi: Chiết khấu cho công ty KS Hải Dương				
Số tiền: 11.088.000				
Viết bằng chữ: Mười một triệu không trăm tám mươi tám ngàn đồng./				
Kèm theo: 1 chứng từ gốc.				
		Ngày 14 tháng 11 năm 2016		
Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nộp tiền
<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>

Biểu 3.3: Phiếu hạch toán số 72

Đơn vị: Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh

Địa chỉ: Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Số: 72

ĐVT: Đồng

Stt	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
1	Chiết khấu cho công ty CP KS Hải Dương	511	521	10.080.000	
	Cộng			10.080.000	

Ngày 30 tháng 11 năm 2016

Người lập phiếu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 3.4: Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty cổ phần Vận tải biển Đức Thịnh
 Địa chỉ: Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Mẫu số S03a - DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 11 năm 2016

ĐVT: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
					
14/11	HĐGTGT 0000233	14/11	Doanh thu bán hàng cho Cty KS Hải Dương	1111	221.760.000	
				5111		201.600.000
				3331		20.160.000
14/11	PC 72	14/11	Chiết khấu cho công ty KS Hải Dương	5211	10.080.000	
				3331	1.008.000	
				1111		11.088.000
					
30/11	HĐGTGT 0219057 PC56	30/11	Thanh toán tiền cước điện thoại theo HĐ 0219057	642	585.904	
				1331	58.590	
				1111		644.494
30/11	PHT 72	30/11	Kết chuyển chiết khấu thương mại	5111	10.080.000	
				5211		10.080.000
					
			Cộng		355.569.587.230	355.569.587.230

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ quỹ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 3.5: Sổ cái TK 521

Đơn vị: Công ty cổ phần Vận tải biển Đức Thịnh
 Địa chỉ: Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Mẫu số S03b - DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Các khoản giảm trừ doanh thu

Số hiệu: 521

Tháng 11 năm 2016

DVT: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Dư đầu tháng</u>			
14/11	PC 072	14/11	Chiết khấu cho công ty KS Hải Dương	1111	10.080.000	
30/11	PHT 20	30/11	Kết chuyển chiết khấu thương mại	5111		10.080.000
			Cộng SPS		10.080.000	10.080.000
			<u>Dư cuối tháng</u>			

Ngày 30 tháng 11 năm 2016

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Về lý luận, đề tài đã hệ thống hóa được lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Về thực tiễn, đề tài đã mô tả và phân tích được thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh một cách khách quan, trung thực thông qua số liệu tháng 11 năm 2016 minh chứng cho các lập luận đưa ra. Qua quá trình thực tập được tiếp cận thực tế tại công ty, em nhận thấy công tác kế toán của công ty có một số ưu điểm và hạn chế chính sau:

- Ưu điểm:

+ Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, khá gọn nhẹ nhưng có tính hoàn thiện tương đối cao, hoạt động nề nếp với quy trình làm việc khoa học.

+ Hệ thống sổ sách, tài khoản kế toán khoa học, tuân thủ đúng chế độ kế toán ban hành theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC. Về công tác kế toán được thực hiện khá chặt chẽ, khoa học, phù hợp với tình hình đơn vị, cung cấp thông tin nhanh và chính xác về tình hình công nợ.

- Hạn chế:

+ Công ty chưa áp dụng các chính sách ưu đãi bán hàng

+ Công tác ghi chép sổ sách kế toán chưa hiệu quả

2. Kiến nghị

Từ thực trạng nêu trên, đề tài đã đưa ra được một số giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý công nợ tại Công ty CP vận tải biển Đức Thịnh:

- Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán để công tác kế toán hiệu quả và nhanh hơn.

- Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại để thu hút khách hàng.

Các kiến nghị đề xuất đều xuất phát từ thực tế tại công ty nên có thực tế khả thi.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2012), *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2012), *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Công ty Cổ phần vận tải biển Đức Thịnh, *Sổ sách kế toán Công ty*, (2016)